

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU QUẢNG BÌNH**

Địa chỉ: Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ
Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt
Nam

Số điện thoại: 0225.6263333

Số fax: 0225.3533679

Website: <http://quangbinhjsc.com.vn/>



MỤC LỤC



A1. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
2. Một số chỉ tiêu chính
3. Sự kiện tiêu biểu
4. Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

A2. GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. Thông tin chung
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Vị thế
6. Định hướng phát triển
7. Các rủi ro

B. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý
4. Phương hướng phát triển

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT
4. Giải pháp thực hiện

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

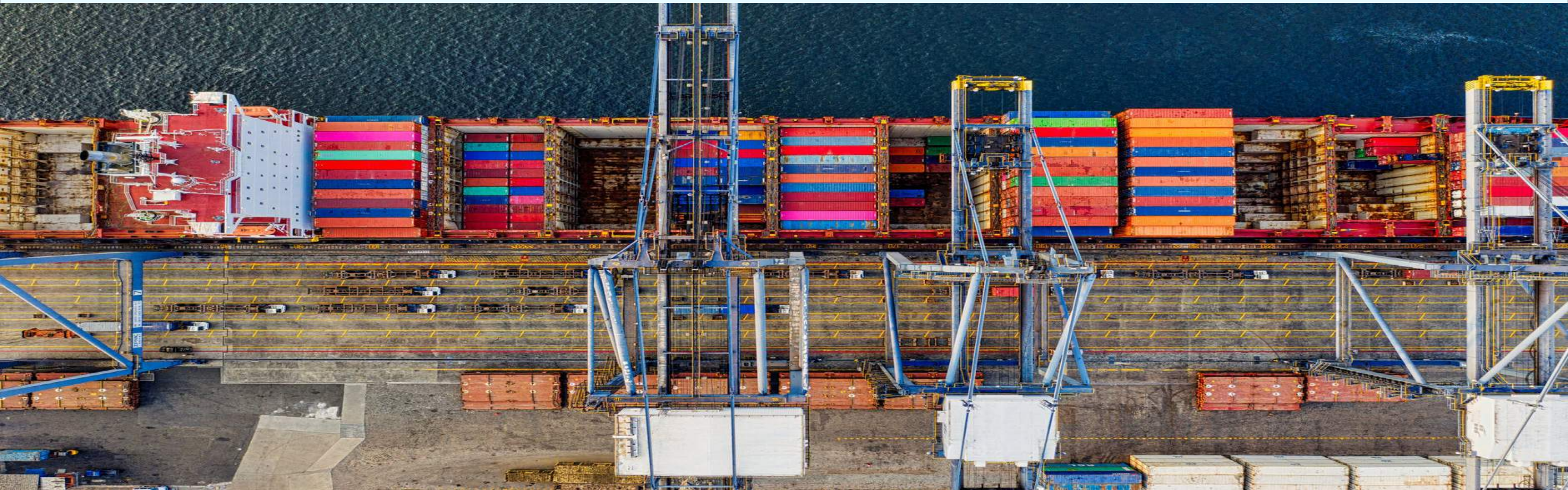
1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch và thù lao

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục tiêu chung
2. Phát triển nhân sự
3. Bảo vệ môi trường
4. Phát triển cộng đồng
5. Phát triển kinh tế địa phương

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Giải trình về kết quả sản xuất kinh doanh
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
3. Báo cáo kiểm toán
4. Bảng cân đối kế toán
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
7. Thuyết minh báo cáo tài chính



PHẦN MỞ ĐẦU

1. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN TRONG NĂM 2020
3. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ KINH DOANH

1. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Năm 2021 là một năm đầy biến động và khó khăn đối với môi trường kinh doanh. Với bối cảnh kinh tế xã hội thế giới đầy biến động và khó khăn, dịch bệnh Covid 19 diễn biến khó lường, nền kinh tế Việt Nam cũng đã phải chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Trước tình hình đó, đội ngũ Ban điều hành và nhân viên Công ty đã nỗ lực trong sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả tích cực so với năm 2020.

Năm 2021, công ty đã nỗ lực và đạt được những kết quả khả quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã có sự thay đổi trong chiến lược, tập trung vào một số lĩnh vực có kết quả kinh doanh, cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp. Với tinh thần luôn tôn trọng các đối tác, khách hàng, tuân thủ các quy định của pháp luật, trách nhiệm với xã hội, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình luôn sẵn sàng với những thách thức khó khăn.

Bước sang năm 2022, sẽ có nhiều thay đổi và biến động lớn về kinh tế, chính trị xã hội trong và ngoài nước sau tác động của dịch. Tuy nhiên, với những phẩm chất, năng lực và ý chí của đội ngũ lãnh đạo, cùng với sự sát cánh của các thành viên Hội đồng quản trị mới, tôi tin tưởng Công ty chắc chắn sẽ mạnh mẽ, vững vàng trên con đường thực hiện sứ mệnh của mình.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, quý Khách hàng, đối tác, cổ đông đã luôn tin tưởng, ủng hộ doanh nghiệp. Chúc tất cả sẽ cùng nhau vượt qua đại dịch, đời sống khỏe, an khang và thịnh vượng
Xin chân thành cảm ơn!

Xin chân thành cảm ơn!
Thay mặt Hội đồng quản trị,
Chủ tịch (ký tên)



NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG



TẦM NHÌN

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hướng tới trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam.

SỨ MỆNH

“Quảng Bình cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp bền vững ở Việt Nam”.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

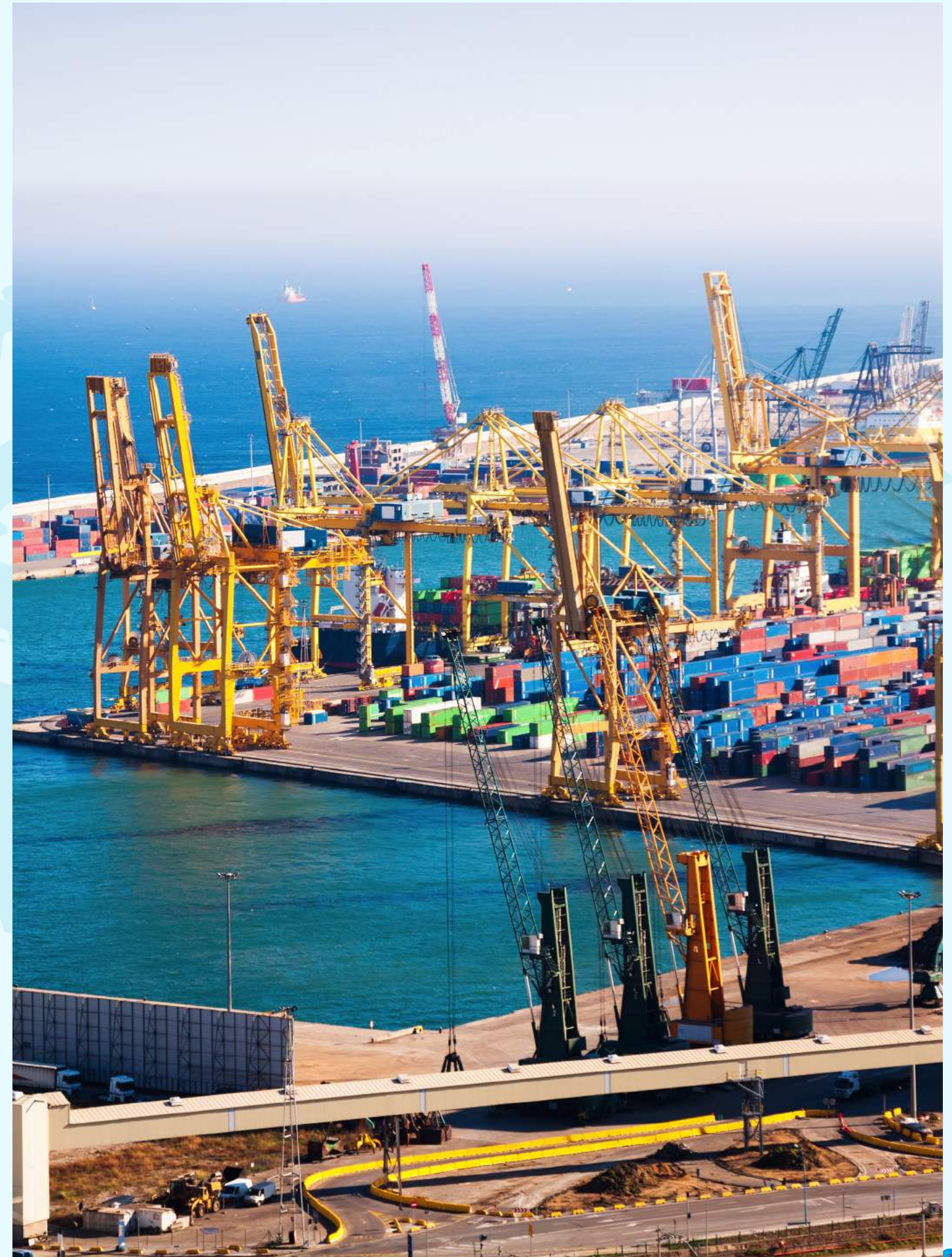
- Chất lượng tốt nhất: Chúng tôi luôn nỗ lực tối đa để mang đến sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất trong thời gian đúng hạn.
- Chính trực: Luôn phấn đấu để có được niềm tin của mọi đối tác và khách hàng, tạo niềm tin đối với cộng đồng;
- Chuyên nghiệp: Chuẩn hóa trong mọi hoạt động nhằm phục vụ khách hàng một cách hiệu quả nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Đổi mới: Luôn đổi mới, sáng tạo trong công việc và công nghệ để đem lại sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng;
- Chăm sóc: Chúng tôi luôn chăm sóc khách hàng một cách tận tâm, chu đáo để khách hàng luôn hài lòng về sản phẩm và dịch vụ chúng tôi cung cấp.



TRIẾT LÝ KINH DOANH

“Giá trị bền vững cho nhà nông” là triết lý kinh doanh của Quảng Bình. Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam mặc dù được coi là tiềm năng nhưng lại chưa phát huy được tiềm năng này, nguyên nhân phần lớn do nông dân chưa có trong tay vật tư nông nghiệp tốt nhất với giá thành hợp lý. Quảng Bình nỗ lực giải quyết vấn đề này thông qua việc tập trung phát triển và tìm kiếm sản phẩm vật tư nông nghiệp chất lượng cao, xanh, sạch, và kết nối đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp, qua đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm và hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam.

Với triết lý kinh doanh như vậy, Quảng Bình cũng thể hiện được “Trách nhiệm xã hội” của mình thông qua việc nỗ lực để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống và tiến tới làm giàu cho nông dân Việt Nam.

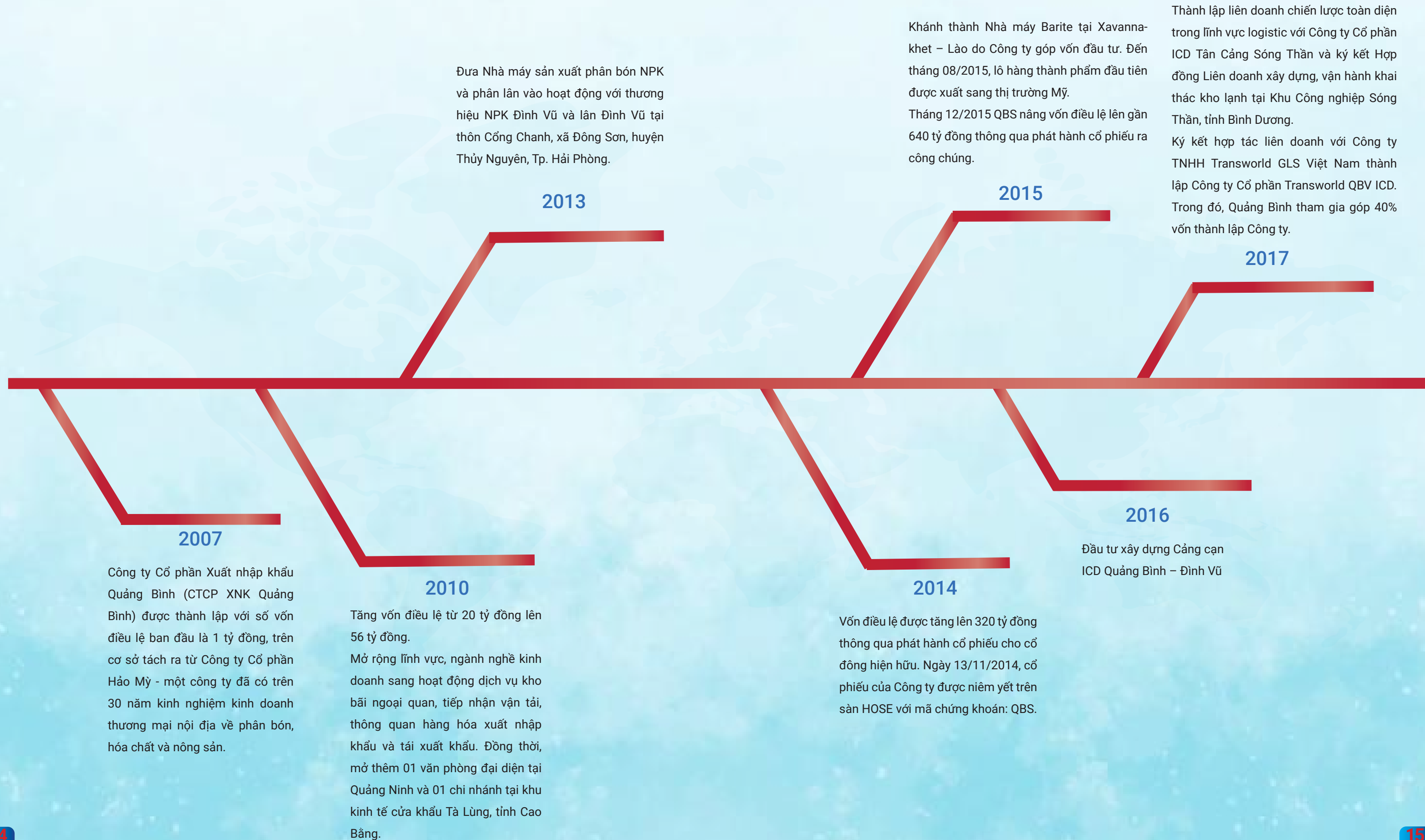


A2 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; đăng kí lần đầu ngày 12/03/2017; đăng kí thay đổi lần thứ 29 ngày 27/04/2020.
Vốn điều lệ	693.299.280.000 đồng
Địa chỉ	Số 23 lô 01 – Khu 97 Bạch Đằng – P. Hạ Lý – Q. Hồng Bàng – TP. Hải Phòng
Số điện thoại	(84.225) 626 3333
Số fax	(84.225) 353 3679
Website	http://www.quangbinhjsc.com.vn
Mã cổ phiếu	QBS
Logo	

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Đưa Nhà máy sản xuất phân bón NPK và phân lân vào hoạt động với thương hiệu NPK Đình Vũ và lân Đình Vũ tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng.

2013

Khánh thành Nhà máy Barite tại Xavanna-khet – Lào do Công ty góp vốn đầu tư. Đến tháng 08/2015, lô hàng thành phẩm đầu tiên được xuất sang thị trường Mỹ.

Tháng 12/2015 QBS nâng vốn điều lệ lên gần 640 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng.

2015

Thành lập liên doanh chiến lược toàn diện trong lĩnh vực logistic với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và ký kết Hợp đồng Liên doanh xây dựng, vận hành khai thác kho lạnh tại Khu Công nghiệp Sóng Thần, tỉnh Bình Dương.

Ký kết hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam thành lập Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD. Trong đó, Quảng Bình tham gia góp 40% vốn thành lập Công ty.

2017

2007

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (CTCP XNK Quảng Bình) được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ đồng, trên cơ sở tách ra từ Công ty Cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản.

2010

Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng.

Mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu. Đồng thời, mở thêm 01 văn phòng đại diện tại Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng.

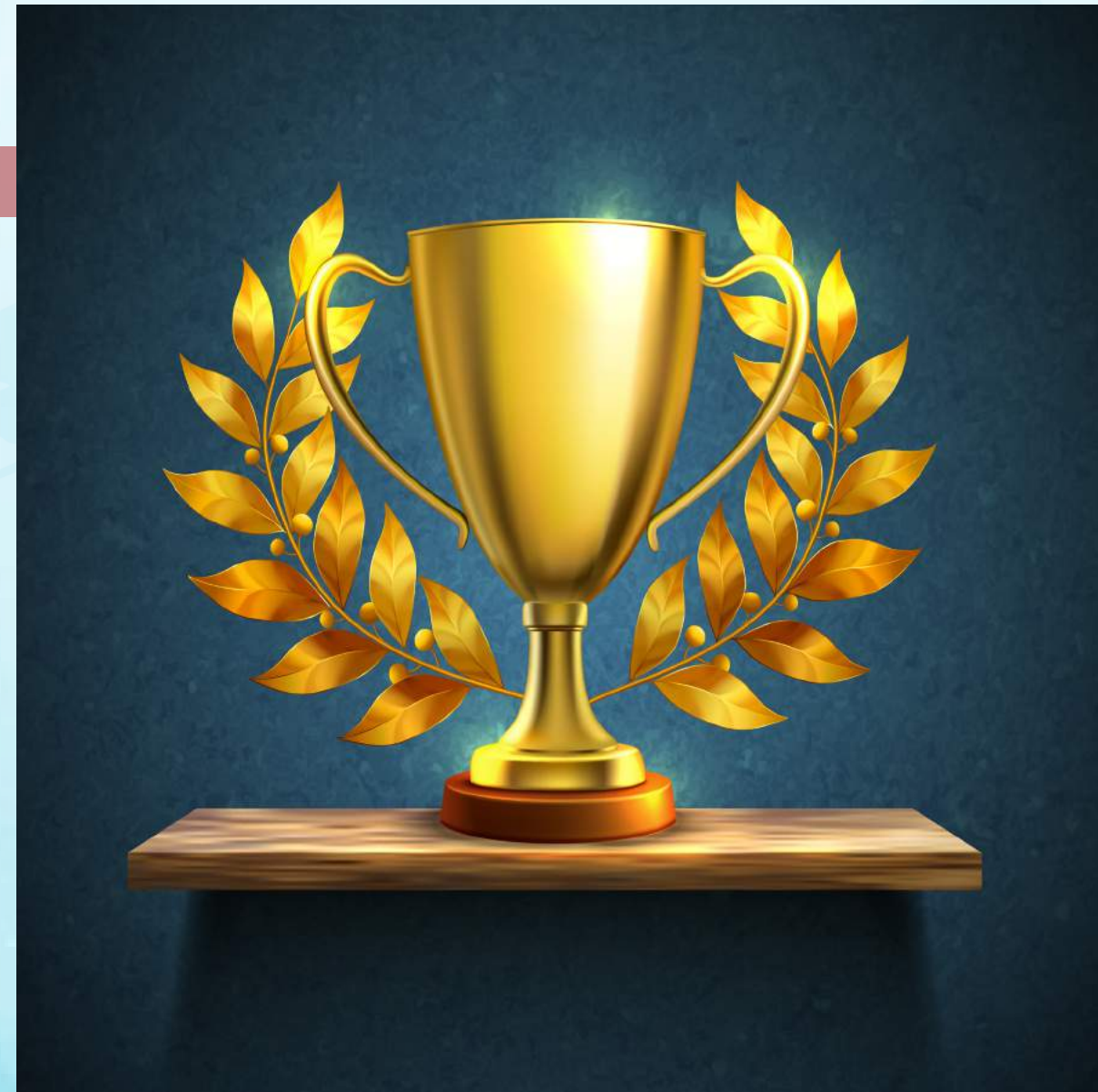
2014

Vốn điều lệ được tăng lên 320 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 13/11/2014, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán: QBS.

2016

Đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ

THÀNH TÍCH NỔI BẬT



Thời gian	Thành tích
2009	Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009 Lãnh đạo Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009
2010	Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND Thành phố Hải Phòng
2011	Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2011 của UBND Thành phố Hải Phòng Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng Chứng nhận Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp Xây dựng doanh nghiệp và phong trào ủng hộ xã hội năm 2011 Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp Thủy Nguyên và phong trào ủng hộ năm 2011 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp
2012	Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 của UBND Thành phố Hải Phòng Giấy khen về việc đạt thành tích trong công tác thu và nộp thuế trước hạn năm 2012 do Cục Hải quan Hải Phòng cấp Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 của Tổng cục Thuế Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp ngân sách nhà nước năm 2012 của UBND huyện Thủy Nguyên
2013	Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới năm 2013 Chứng nhận Thương hiệu tin cậy năm 2013 do Viện nghiên cứu kinh tế phát triển cấp Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng năm 2013 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp Chứng nhận Doanh nghiệp của năm 2013
2014	Thành tích Xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP Hải Phòng năm 2014 Chứng nhận Doanh nhân, Doanh nghiệp của năm do Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trao tặng năm 2014 Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng
2015	Danh hiệu "Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông" năm 2015 Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015
2016	Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2016 Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016
2017	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017
2018	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2018
2019	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2019
2020	Giấy khen Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động an sinh xã hội năm 2020

CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Cảng cạn, kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty con: Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (tỷ lệ sở hữu: 98,6%).

Địa chỉ: Lô CN4.4H + Lô CN4.4G + Lô CN4.4F Khu công nghiệp Đình Vũ (thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải) phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Chi nhánh Quảng Bình: Khu kinh tế Cửa khẩu Cha Lo, Dân Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình.



- Với mảng kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan, dịch vụ xuất nhập khẩu:



- Dịch vụ khai báo hải quan;
- Cho thuê kho bãi;
- Hoạt động tạm nhập tái xuất;



- Với mảng kinh doanh phân bón – hóa chất:

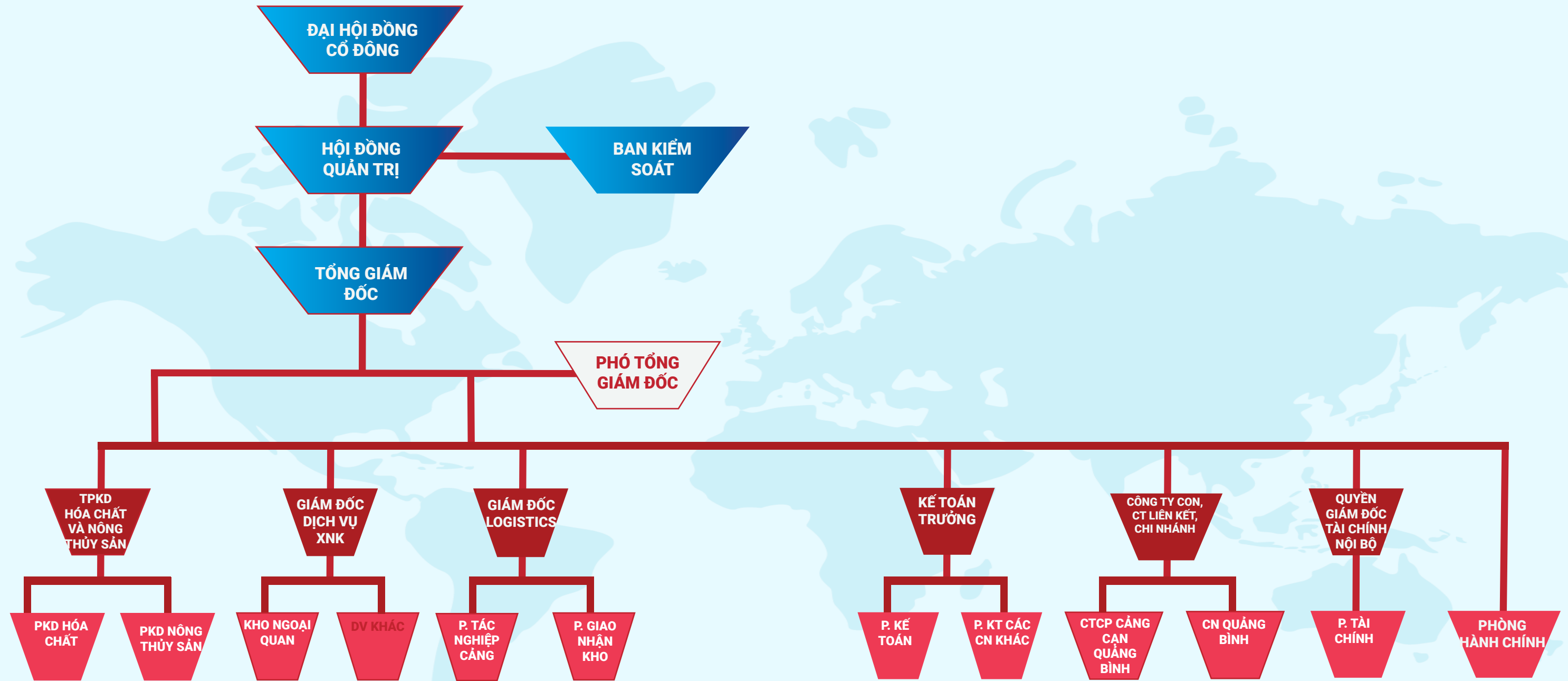


Tại thời điểm 31/12/2021.

Tên Công ty	Sản phẩm chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình- Đình Vũ	Dịch vụ cảng và hoạt động hỗ trợ xuất nhập khẩu	98,63%	98,63%

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Sơ đồ tổ chức



CHỨC NĂNG CÁC BỘ PHẬN VÀ PHÒNG BAN TRONG CÔNG TY

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài

chính gần nhất của Công ty;

- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;

- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản trị của Công ty có 03 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ; Báo cáo tình hình

kinh doanh hàng năm; Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty; Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

PHÒNG KẾ TOÁN

- Tổng hợp, ghi chép lại số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;

- Phân tích tình hình tài chính, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng Giám đốc;

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1977
Nơi sinh: Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân Kinh tế
- Cử nhân Hành chính
Quá trình công tác:
- Từ năm 1996 đến năm 2006: Nhân viên Kinh doanh - Công ty CP XNK Hào Mỹ.
- Từ tháng 10 năm 2015: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất
- Từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 06 năm 2020: Thành viên HĐQT Công ty CP DAP-Vinachem
- Từ ngày 01 tháng 04 năm 2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình
- Từ 04/2020 – nay:
+ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
+ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất miền Nam
- Từ 05/2018-nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long.

Bà Hà Thị Mai Hương Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 06/06/1991
Nơi sinh: Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:
- Từ năm 2013 đến 2014: Nhân viên chứng từ tại Công ty TNHH Shipco Transport
- Từ năm 2014 đến 2016: Nhân viên xuất nhập khẩu tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ năm 2016 đến 04/2018: Phó phòng Kinh doanh hóa chất và nông thủy sản tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 03/2018 đến 12/2020: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc tại Công ty CP 5FOODS
- Từ 04/2018 đến 12/2020: Trưởng phòng Kinh doanh 2 tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 04/2020 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Quảng Bình

Bà Lê Thị Thanh Hải Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 15/12/1991
Nơi sinh: Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
Quá trình công tác:
- Từ 2014 đến 2016: Kế toán viên tại Công ty TNHH MTV Hương Tân
- Từ năm 2017 đến nay: Kế toán viên tại Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn
- Từ 05/2020 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang
- Từ 04/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình

Giới thiệu Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 25/11/1986
Nơi sinh: Phúc Am, Gia Khánh, Ninh Bình
Trình độ: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
Quá trình công tác:
- Từ năm 2007 đến năm 2008: Kế toán, Kiểm toán nội bộ tại CTCP Xuất nhập khẩu Hào Mỹ.
- Từ 2008 – 2011: Nhân Viên Kinh Doanh tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 01/2012 – 04/2014: kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương
- Từ 04/2014 – 05/2018: Trưởng BKS CTCP XNK Quảng Bình
- Từ 05/2018 – nay: Trưởng BKS CTCP XNK Quảng Bình

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 22/08/1981
Nguyên quán: Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng
Nơi sinh: Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân Ngoại ngữ
Quá trình công tác:
- Từ năm 2003 đến năm 2006: Giáo viên tiếng Anh tại trường THCS Tân Dương
- Từ năm 2006 đến năm 2011: Phiên dịch tiếng Anh tại CTCP CN Tàu thủy An Đông
- Từ năm 2011 đến tháng 04 năm 2014: Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm kế toán xuất nhập khẩu công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ tháng 04/2014 – 06/2018: Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm Thành viên BKS công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 06-2018 – nay: Thành viên BKS CTCP XNK Quảng Bình

Bà Trần Thị Thu Trang Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm: 10/04/1985
Nguyên quán: Cát Hải, Hải Phòng
Nơi sinh: Hải Phòng
Trình độ: Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:
- Từ 04/2009 đến 03/2010: Kế toán tại Công ty CP ĐT & XLTM Cửa hàng xăng dầu 231 Tô Hiệu
- Từ 09/2010 đến 06/2015: Kế toán tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 06/2015 đến 12/2015: Phó phòng kế toán tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 01/2016 đến 3/2017: Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP XNK Quảng Bình
- Từ 3/2017 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình

Giới thiệu Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hưng: Tổng giám đốc

Ngày sinh: 08/08/1982
Nơi sinh: Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin

Quá trình công tác:
- Từ 05/2012 đến 12/2020: TVHĐQT Công ty CP XNK Đức Nguyễn
- Từ 06/2014 đến 12/2020: Giám đốc Công ty CP Xây dựng và XNK Tam Đảo
+ Từ 02/2016 đến 06/2017: Trưởng văn phòng đại diện tại Cao Bằng – Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 05/2017 đến 10/2017: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và XNK Tân Cảng SG
+ Từ 06/2017 đến 04/2020: Phó Giám đốc Dịch vụ Xuất nhập khẩu Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 10/2017 đến 12/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Tân Bình Phú
+ Từ 04/2020 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Quảng Bình

Ông Nguyễn Thanh Bình: Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 04/11/1973
Nơi sinh: Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:
+ Từ 05/2013 đến 05/2018: Giám đốc nhà máy NPK Đình Vũ – Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 03/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP 5FOODS
+ Từ 05/2016 đến nay Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại Công ty CP XNK Quảng Bình
+ Từ 05/2019 đến nay: TVHĐQT Công ty CP XNK Hóa chất miền Nam

S

Điểm mạnh

- Với 14 năm xây dựng và phát triển, Quảng Bình là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về kinh doanh, thương mại phân bón, hóa chất, hàng nông sản và cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu
- Xây dựng được mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước, bao gồm nhiều tập đoàn đa quốc gia: Heartychem (Hàn Quốc), Deawoo International Corporation (Hàn Quốc), Samsung C&T Corporation (Singapore), ...
- Chính sách mua bán linh hoạt cùng uy tín, mối quan hệ tốt với khách hàng là các tập đoàn lớn trên thế giới và các ngân hàng thương mại.

O

Cơ hội

- Đối với các lĩnh vực kinh doanh kho ngoại quan và cửa hàng miễn thuế, chính sách quản lý chặt chẽ của Chính phủ trong những năm gần đây đã tạo cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính vững vàng như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

W

Điểm yếu

- Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản hiện vẫn chiếm tỷ trọng thấp trên tổng doanh thu, lợi nhuận của Công ty, do đó quy mô vẫn ở mức nhỏ so với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.

T

Thách thức

- Diễn biến thời tiết không thuận lợi, hạn hán, nắng nóng kéo dài; bên cạnh đó lại có thiên tai chủ yếu là mưa lớn, lũ quét, ngập lụt, triều cường và sạt lở đất khiến cho sản xuất nông nghiệp giảm dẫn đến nhu cầu về phân bón – mặt hàng chủ lực của QBS giảm đáng kể.
- Do chính sách của Chính phủ thay đổi, ngành tạm nhập tái xuất cũng như dịch vụ kho bãi giảm sút đáng kể, không đem lại doanh thu lợi nhuận nhiều từ mảng kinh doanh này. Vì vậy, công ty cần tiếp tục đẩy mạnh cải tạo nâng cấp, chiến lược khai thác hệ thống kho bãi, khách hàng.

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mảng hóa chất và hàng hóa khác

Duy trì đà tăng trưởng của những mặt hàng thế mạnh hóa chất như là Lưu huỳnh và axit sulphuric... Đồng thời phát triển thêm vào một số loại sản phẩm hóa chất khác mà nhà cung cấp nước ngoài sẵn có.

Giữ vững thị phần và định hướng phát triển năm sau cao hơn năm trước các mặt hàng thực phẩm

Mảng phân bón

Nội địa:

Đổi mới mặt hàng thương mại nội địa: Duy trì những mối quan hệ khách hàng truyền thống, chào bán những sản phẩm nguyên liệu do công ty chủ động nhập khẩu, cũng như tìm nguồn hàng nội địa phù hợp để chào bán. Tìm hiểu thêm các Nhà máy sản xuất phân bón trong cả nước, xây dựng thêm các mối quan hệ bạn hàng mới, chào bán phát triển mảng thương mại nội địa các mặt hàng phân bón



7. RỦI RO

Rủi ro về Kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách của chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế cũng như chính sách phát triển ngành, ... Những rủi ro này sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những tác động của dịch bệnh. Dù hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn, nhưng công ty đã cố gắng giảm thiểu những tác động này, điều này đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh của công ty trong năm qua

Rủi ro về Lạm phát

Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, thấp nhất trong 6 năm qua, là một dấu ấn trong công tác quản lý điều hành giá của Chính phủ. Các ban ngành điều hành chính sách thực thi kiểm chế lạm phát được triển khai quyết liệt và linh hoạt ứng phó với biến động lạm phát hàng tháng trong năm.

Mức lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu điều hành tổng hòa kinh tế vĩ mô là cơ sở cho chính sách tài chính tiền tệ nới lỏng trong năm, đồng thời kỳ vọng tỷ suất chi phí lãi suất vay, lãi suất trái phiếu thấp hơn và tăng khả năng tiếp cận nguồn tài chính cần thiết tài trợ cho hoạt động mở rộng quy mô kinh doanh.

Tuy nhiên, bước sang năm 2022, áp lực lạm phát được đánh giá là rất lớn. Các yếu tố vĩ mô có sự thay đổi, gây khó khăn trong việc kiểm soát lạm phát.

Rủi ro về Tỷ giá và Lãi suất

Rủi ro tỷ giá: sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của công ty. Công ty theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này.

Rủi ro lãi suất: bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2021, Ngân hàng nhà nước tiếp tục thi hành nhiều chính sách, giúp cho tỷ giá được được giữ ổn định..

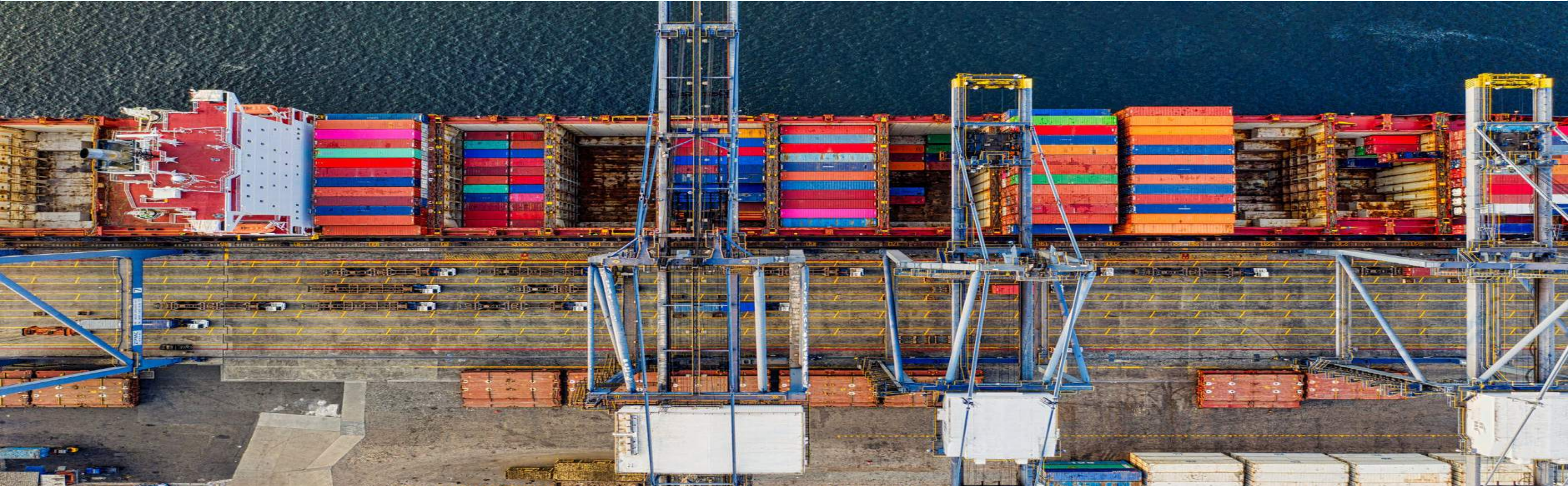
Rủi ro lĩnh vực Thương mại

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Lĩnh vực dịch vụ như kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế chịu rủi ro chủ yếu từ những thay đổi trong cơ chế chính sách quản lý của Chính phủ, nhằm thắt chặt quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nói chung. Những quy định ngày càng chặt chẽ đối với các mảng dịch vụ xuất nhập khẩu, kho ngoại quan khiến nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đã không đáp ứng đủ điều kiện, tuy nhiên cũng nhờ đó, rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực này đã giảm đáng kể.

Rủi ro về Pháp luật

Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn nhiều hạn chế cũng như thường xuyên thay đổi.
- Để hạn chế những tác động này, Công ty đã xây dựng điều lệ và quy chế quản trị cập nhật với những văn bản pháp luật mới nhất



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5. CƠ CẤU CỔ PHẦN, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ngành phân bón

Sản lượng tiêu thụ phân bón năm 2021 ước tăng 5,5% yoy, nhờ diễn biến thời tiết tích cực. Nhu cầu phân NPK và DAP tăng trưởng chủ yếu đến từ nguồn cung trong nước. Trong khi đó, nhu cầu phân đạm, gồm phân Urê và SA tăng trưởng chủ yếu đến từ thị trường nhập khẩu. Giá các loại phân bón đã có mức tăng giá đáng kể so với thời điểm đầu năm 2021. Cụ thể, các loại phân được sử dụng phổ biến như Urê, DAP, Kali và NPK đều có mức tăng từ 70-170% so với thời điểm đầu năm 2021. Biên lợi nhuận ngành phân bón có sự phân hóa giữa mảng Urê và NPK. Trong khi mảng

Urê được hưởng lợi nhờ việc giá phân Urê tăng cao, mảng NPK bị ảnh hưởng tiêu cực khi giá các phân đầu vào (Urê, DAP, Kali) tăng nhanh hơn so với giá NPK đầu ra.

Nhu cầu phân bón năm 2021 ước tính đạt ~10,3 triệu tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ. Điều này xuất phát nhờ diễn biến thời tiết trong năm 2021 được cải thiện hơn so với niên vụ trước khi bị ảnh hưởng tiêu cực của hiện tượng El Nino gây ra hạn hán ở khu vực miền Trung & Tây Nguyên, xâm nhập mặn ở miền Nam. Hiện tượng La Nina kéo dài từ T8/2020 tới hết năm



suất và thúc đẩy nhu cầu chăm bón cây trồng. Giá phân bón nội địa trong năm 2021 chứng kiến mức tăng chưa từng có trong lịch sử khi có diễn biến Tương đồng với giá phân bón thế giới. Cụ thể, các

loại phân được sử dụng phổ biến như Urê, DAP, Kali và NPK đều có mức tăng từ 70-170% so với thời điểm đầu năm 2021.



Kết quả thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	%Kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	800 – 1.000	1.529	152,90%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,00	5,58	37,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,00	0,11	0,93%

Tổng doanh thu từ hoạt động Sản xuất - kinh doanh năm 2021 của Công ty (sau hợp nhất) đạt 1.529 tỷ đồng, hoàn thành 152,9%. Công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra, nhưng đây vẫn là một năm công ty gặp nhiều khó khăn. Cụ thể:

- Tác động của thiên tai dịch bệnh: Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và thương mại cũng như các cơ quan quản lý cảng và hoạt động kho hàng. Ngành logistics Việt Nam và thế giới bị ảnh hưởng nặng nề.
- Dù vậy, công ty vẫn ghi nhận những điểm sáng trong kết quả kinh doanh:
- Doanh thu bán hàng hóa đạt hơn 1.529 tỷ đồng, tăng 326 tỷ đồng so với năm 2020. Doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 10 tỷ đồng, tăng 3,3 tỷ đồng so với năm 2020.

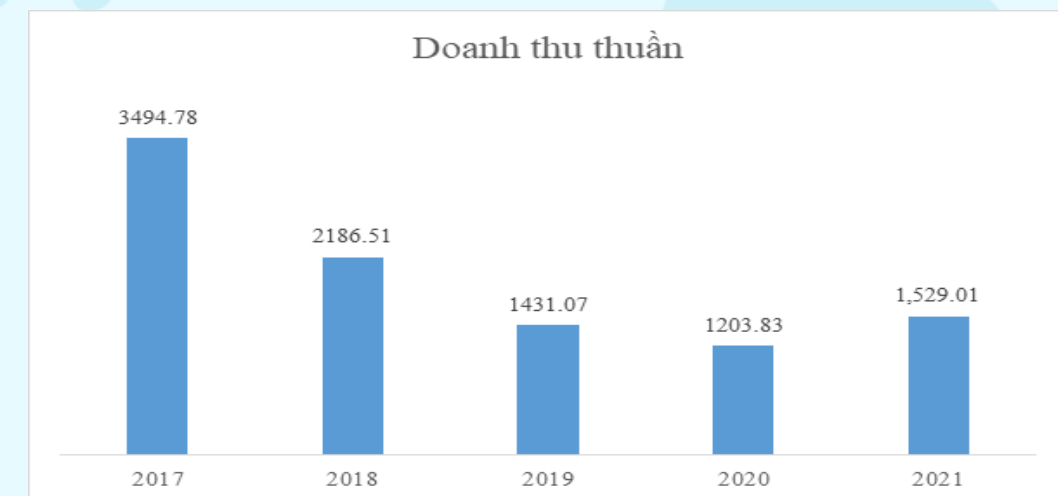
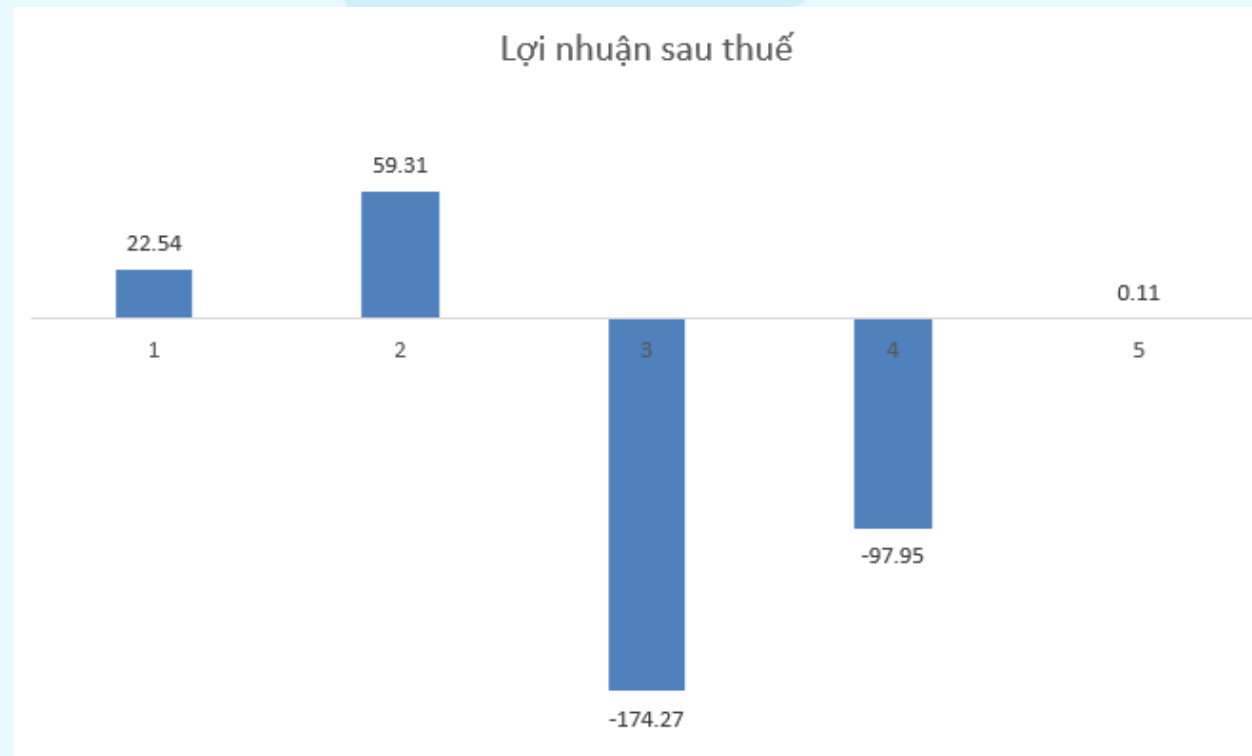
Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3,494.78	2,186.51	1,431.07	1,203.83	1.529,01
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	177.99	75.95	17.28	-19.56	38.35
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28.69	72.80	-168.73	-98.95	5,58
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22.54	59.31	-174.27	-97.95	0,11

Năm 2021 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình ghi nhận doanh thu thuần 1.529,01 tỷ đạt 152,9 % kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 0,11 tỷ, tăng 100,02% so năm 2020. Nguyên nhân dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế tăng là do chiến lược tái cơ cấu của công ty, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh có biên lợi nhuận tốt. Giá vốn hàng bán năm 2021 đạt 1.490 tỷ đồng, chi phí bán hàng đạt 0,196 tỷ, chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 10,2 tỷ. Dù các chi phí có tăng so với năm 2020 nhưng mức tăng này không đáng kể. Công ty cũng đã giảm được chi phí tài chính, năm 2021 chi phí tài chính đạt 27,6 tỷ giảm 52 tỷ so với năm 2020.

Mặc dù thị trường ngành ngày càng cạnh tranh khốc liệt gây ảnh hưởng không nhỏ cho doanh nghiệp cũng như ngành phân bón, ngành cũng phụ thuộc vào những yếu tố đặc thù như: thời tiết ảnh hưởng đến cung - cầu của thị trường phân bón, giá phân đạm thế giới, nhưng nhờ tập trung vào chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư các nhà máy, kho bãi cùng với các chiến lược đẩy mạnh hoạt động bán hàng đã đưa sản phẩm của công ty đến gần hơn với khách hàng, mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, tạo niềm tin cho người dùng. Nhờ vào chiến lược của ban giám đốc, công ty đã cải thiện kết quả kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty.

Biểu đồ biểu diễn kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2017 - 2021



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi của Ban lãnh đạo trong năm

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới đã được Đại hội cổ đông thông qua và bao gồm các nhân sự sau:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương
- Bà Hà Thị Mai Hương
- Bà Lê Thị Thanh Hải

Ban kiểm soát đã được Đại hội cổ đông thông qua và bao gồm các nhân sự sau:

- Đặng Thị Phương Thảo
- Nguyễn Thị Quỳnh Trang
- Trần Thị Thu Trang

Nhân sự và chính sách nhân sự

Nhân sự:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	25	73.5
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	5	14.7
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật		
4	Lao động phổ thông	4	11.8
II	Theo giới tính		
1	Nam	16	47.1
2	Nữ	18	52.9
III	Theo độ tuổi		
1	Từ 18 đến 25 tuổi	2	5.9
2	Từ 26 đến 35 tuổi	20	58.8
3	Từ 36 đến 45 tuổi	10	29.4
4	Trên 45 tuổi	2	5.9
Tổng cộng		34	100

Chính sách nhân sự:

Xây dựng nguồn nhân lực có thái độ đúng đắn và năng lực phù hợp để vận hành hệ thống quản trị luôn được nâng tầm theo thời gian.

Xây dựng đội ngũ nhân lực xuất sắc với tinh thần tận tâm cống hiến, có ý thức tự đào tạo, có khả năng tác nghiệp cùng các cộng sự để tạo ra giá trị cốt lõi đặc trưng của Quảng Bình.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình đầu tư các dự án

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản mục đầu tư	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	(704.716.254)	4.560.000.000	(255.575.748)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn			34.000.000.000	(19.264.708.887)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	15.600.000.000	(4.349.001.580)	15.600.000.000	(3.184.458.447)
Tổng cộng	20.160.000.000	(5.053.717.834)	54.160.000.000	(22.704.743.082)

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án: Không có

Tình hình hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Tên công ty Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ

Trụ sở chính Lô CN4.4F + Lô CN4.4G + Lô CN4.4H, khu công nghiệp Đình Vũ (thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải), Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp 0201973263

Hoạt động kinh doanh Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ 98,63%



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.222,68	1.262,95	3,29%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.203,83	1.529,01	27,01%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		-101,26	3,49	103,44%
Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	2,57	3,16	22,96%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	2,31	2,10	-9,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-98,95	5,58	105,64%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-97,95	0,11	100,11%

Tổng doanh thu năm 2021 đạt 1.529,01 tỷ đồng, tăng 326 tỷ đồng, tương ứng tăng 27,01% so với năm 2020. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 0.592 tỷ đồng so với năm 2020. Chi phí tài chính giảm 51,66 tỷ đồng so với năm 2020. Lợi nhuận của công ty tăng trở lại. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 3,49 tỷ.

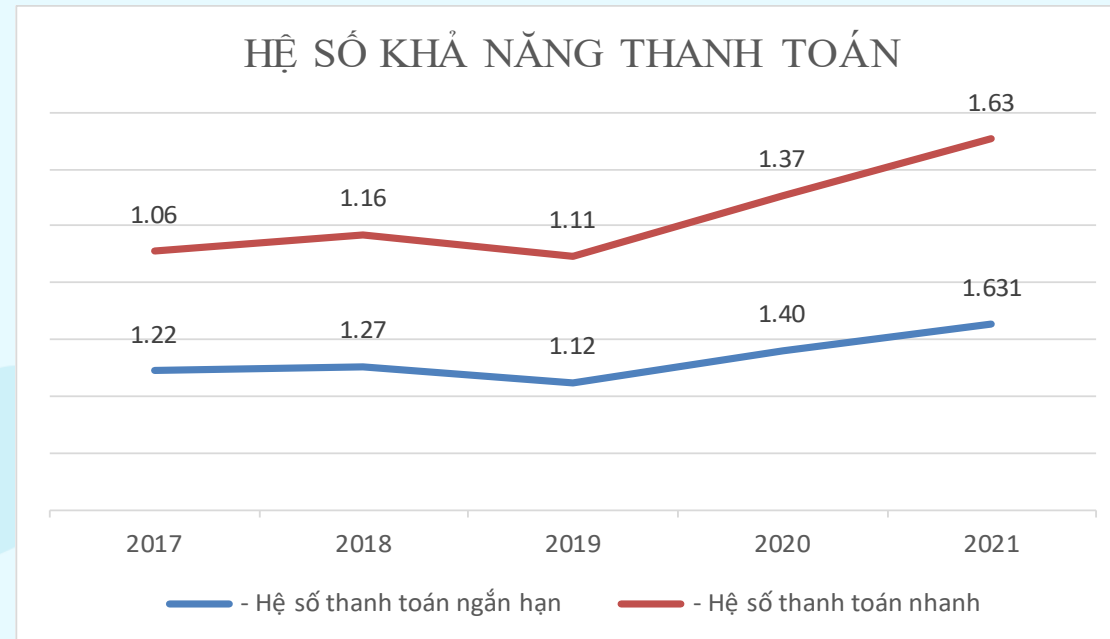


Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	Tăng/giảm (%)
1. Hệ số khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,40	1,631	0,232
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,37	1,63	0,26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	49,44%	51,06%	1,62%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	97,82%	104,32%	6,50%
3. Hệ số năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	92,19	171,55	79,36
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,98	1,21	0,23
4. Hệ số khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-8,14%	0,01%	8,15%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	-13,01%	-15,85%	-2,84%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	-6,17%	-7,88%	-1,71%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	-8,41%	0,23%	8,64%

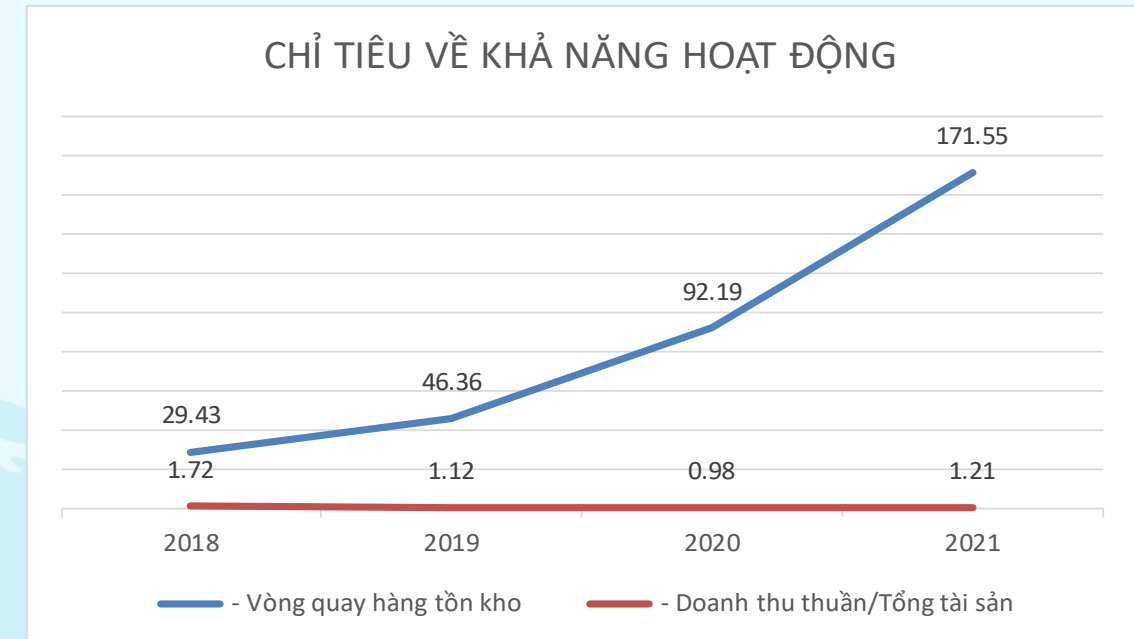
Hệ số khả năng thanh toán

Chỉ tiêu này của công ty trong 3 năm gần nhất đều được cải thiện. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2021 đạt 1,63. Chỉ số này có sự cải thiện bởi trong năm, công ty đã giảm được nợ ngắn hạn, trong khi đó tăng được tài sản ngắn hạn, đảm bảo khả năng thanh toán của công ty.



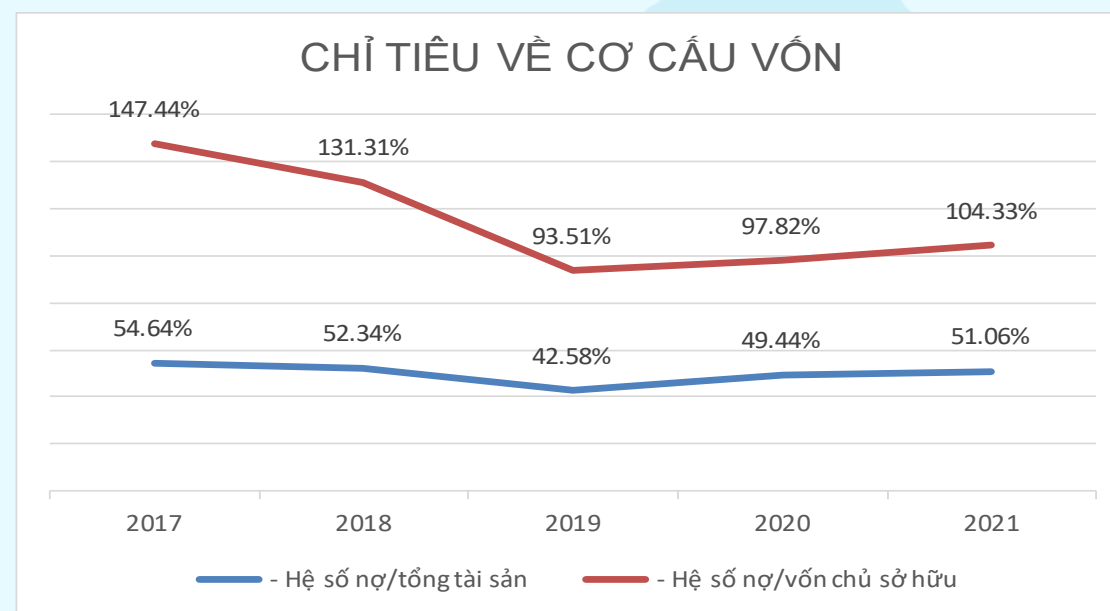
Hệ số năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu đều có sự cải thiện. Điều này là do công ty đã tăng cường, quyết liệt trong chỉ đạo, cải thiện năng lực quản trị. Vòng quay hàng tồn kho năm 2021 đạt 171,55 vòng tăng 79,36 vòng so với năm 2020. Số vòng quay tăng chủ yếu do hàng tồn kho giảm, đặc biệt công ty đã giảm 16 tỷ tồn kho hàng hóa



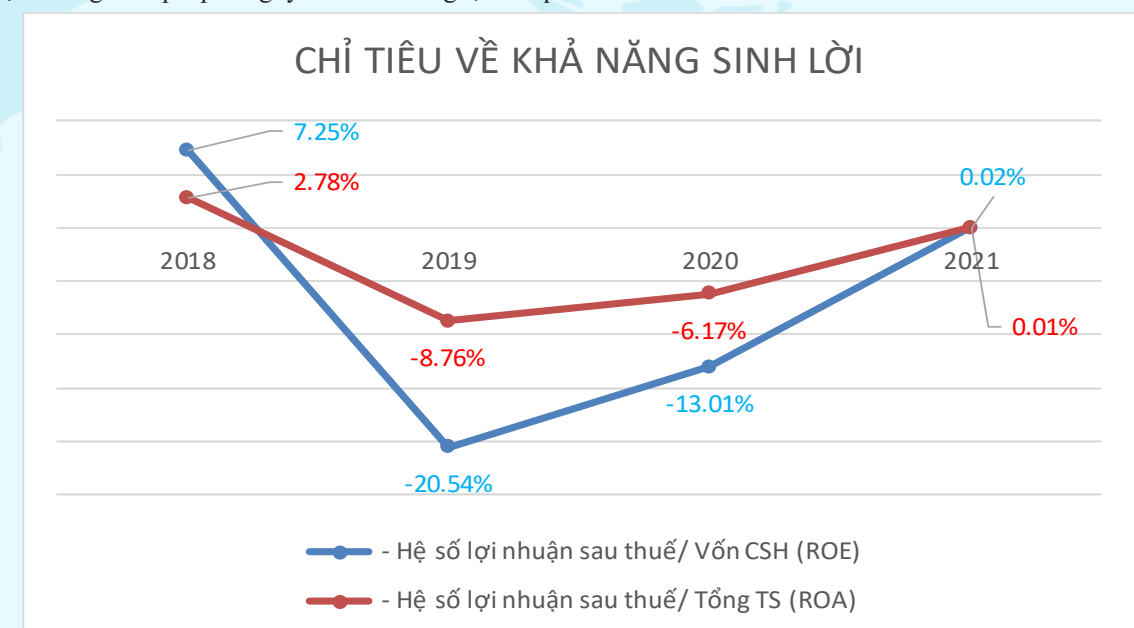
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của công ty không có quá nhiều sự thay đổi. Hệ số nợ trên tổng tài sản vẫn khoảng 50%, trong đó nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chính.



Hệ số khả năng sinh lợi

Hai chỉ tiêu quan trọng là ROE và ROA tiếp tục xu hướng tăng của năm 2020 và mức tăng dương. ROE là 0.2%, ROA là 0.3%. Điều này thể hiện những biến pháp công ty đề ra đã mang lại kết quả.



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Tình hình cổ phiếu trong năm

Vốn điều lệ	693.299.280.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	69.329.928 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu lưu hành	69.329.928 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng

Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

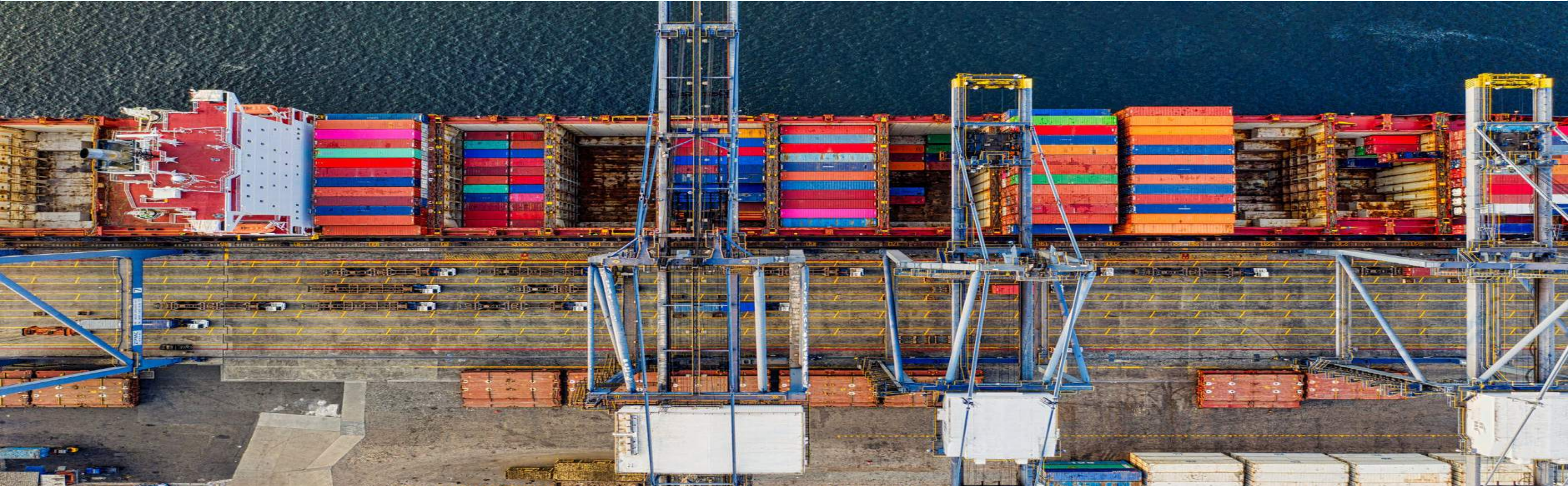
Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)
6/2010	4.800.000.000
11/2010	9.900.000.000
6/2011	20.000.000.000
1/2012	56.000.000.000
4/2014	320.000.000.000
12/2015	639.999.280.000
2016 đến nay	693.299.280.000

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VDL
1	Cổ đông Nhà nước	-	0
2	Cổ đông lớn (sở hữu $\geq 5\%$ vốn CP)	9,200,579	13.27
	- Trong nước	9,200,579	13.27
	- Nước ngoài	-	0
3	Cổ đông khác	60,129,349	86.73
	TỔNG CỘNG	69,329,928	100

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	327 Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng	9,200,579	13.27071766



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

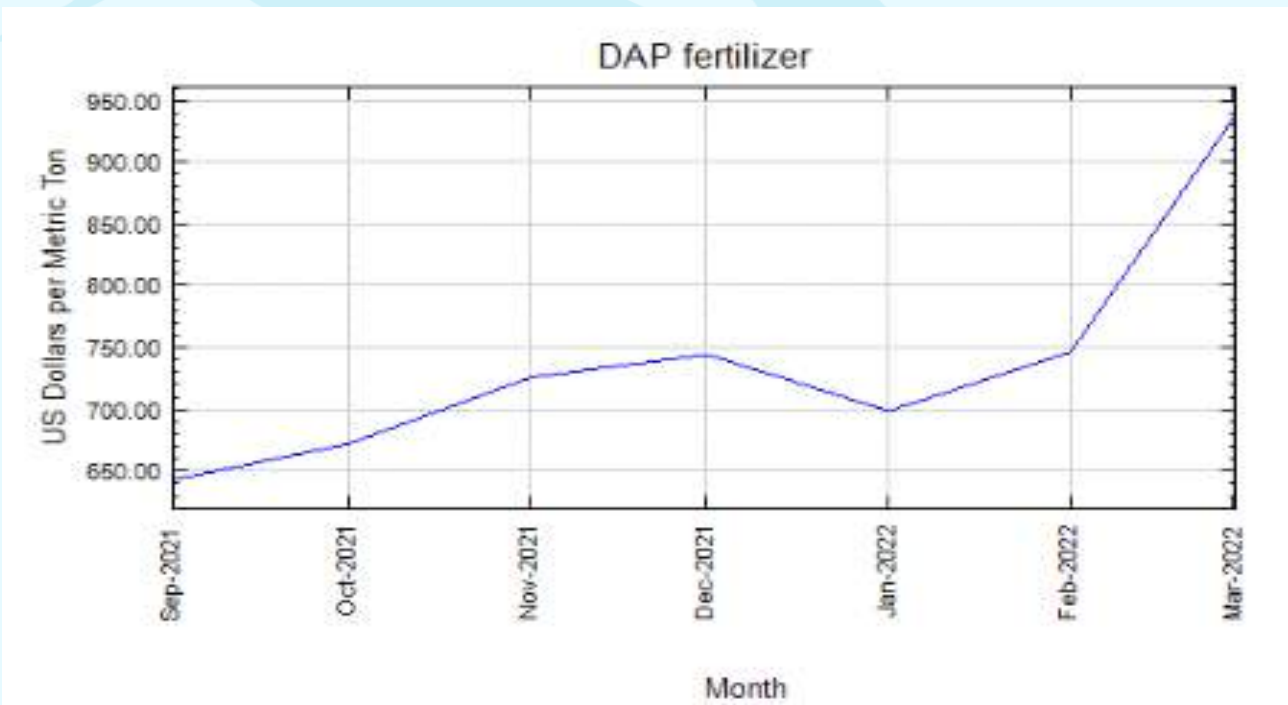
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tổng quan

Về mảng sản xuất – kinh doanh phân bón:

- Về mảng sản xuất – kinh doanh phân bón: Sản lượng tiêu thụ phân bón năm 2021 tăng nhờ diễn biến thời tiết tích cực. Nhu cầu phân NPK và DAP tăng trưởng chủ yếu đến từ nguồn cung trong nước. Các loại phân bón có mức tăng giá đáng kể so với thời điểm đầu năm 2021, các loại phân phổ biến như Ure, DAP, Kali và NPK đều có mức tăng từ 70% - 170%. Tuy nhiên biên lợi nhuận ngành có sự phân hóa:



Nguồn: QBS

Tình hình xuất - nhập khẩu phân bón:

Sản lượng tiêu thụ phân bón tích cực nhờ tình hình thời tiết thuận lợi, hiện tượng La Nima kéo dài từ T8/2020 tới hết năm 2021 đã giúp mưa nhiều ở hầu hết các khu vực canh tác nông nghiệp trên cả nước, nâng cao năng suất và thúc đẩy nhu cầu chăm bón cây trồng. Nhu cầu phân bón tăng 5,5% so với cùng kỳ.



Nguồn: CPC, Agromonitor, FPTs tổng hợp

Sản lượng sản xuất khả quan trong năm 2021, chủ yếu ở mảng NPK và DAP.

Sản lượng sản xuất phân NPK 11T2021 ước đạt 2.840 nghìn tấn (+7,5% yoy). Sản lượng tăng chủ yếu trong 1H2021 khi các loại phân đơn khan hiếm và nhu cầu chăm bón cho lúa tăng cao tại hầu hết các khu vực và cây công nghiệp tại Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Trong đó, phân khúc NPK chất lượng cao đóng góp chủ yếu vào tốc độ tăng trưởng chung của cả mảng NPK. Sản xuất phân DAP 11T2021 đạt 464 nghìn tấn, +34,3% yoy, nhờ nhà máy DAP của DGC bắt đầu đi vào hoạt động từ T10/2020. Tuy nhiên, sản lượng phân DAP bắt đầu sụt giảm kể từ T8/2021 do tình trạng khan hiếm quặng apatit đầu vào, buộc các nhà máy DAP phải cắt giảm công suất hoặc thậm chí ngưng sản xuất.

Giá phân bón tăng cao nhờ nhu cầu cải thiện và nguồn cung thị thắt chặt

Giá phân bón nội địa trong năm 2021 tăng đột biến. Đối với phân DAP, giá tăng cao nhờ chi phí đầu vào tăng mạnh (lưu huỳnh, quặng apatit và ammoniac) và nhu cầu lớn ở Brazil và Hoa Kỳ và Trung Quốc, đối với ngô và đậu tương (cây trồng tiêu thụ lượng lớn phốt pho). Đặc biệt, nhu cầu đậu tương làm thức ăn chăn nuôi ở Trung Quốc tăng cao khi nước này đang đẩy mạnh tái đàn lợn sau khi lượng lớn bị tiêu hủy bởi dịch tả lợn châu Phi. Hơn nữa, thuế chống trợ cấp của Hoa Kỳ đối với phân DAP nhập khẩu từ Maroc và Nga từ T4/2021 và chính sách ngưng xuất khẩu phân phốt phát của Trung Quốc (chiếm ~30% lượng xuất khẩu DAP toàn cầu) trong T10/2021 cũng là động lực thúc đẩy cho việc tăng giá DAP.

Đối với phân NPK, việc giá các phân đầu vào tăng cao cũng khiến giá NPK tăng theo, tuy nhiên ở mức thấp hơn so với phân đầu vào khi các đơn vị sản xuất NPK thường nhập phân đơn đầu vào trước từ 1-3 tháng nên sẽ điều chỉnh chậm hơn.

Triển vọng năm 2022: Tình hình thời tiết được dự báo vẫn sẽ thuận lợi. Thời tiết dự báo sẽ tiếp tục mưa nhiều ở các vùng canh tác chính, giúp nhu cầu phân bón sẽ tiếp tục tăng trong năm 2022. Tuy nhiên tỷ suất biên lợi nhuận dự kiến sẽ kém khả quan hơn

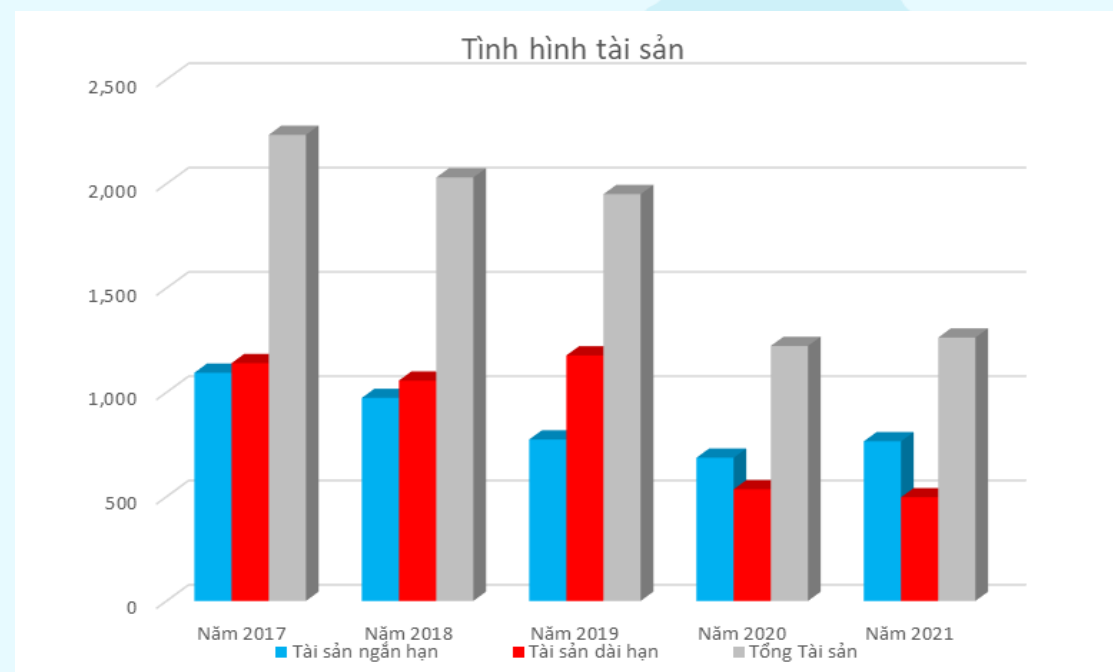
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình Tài sản

Tổng tài sản năm 2021 là 1.262,96 tỷ đồng, tăng 3,29% so với năm 2020. Tài sản ngắn hạn là 765,74 tỷ đồng, tăng 11,45% so với năm 2020. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2021 chiếm tỷ trọng lớn hơn, tăng lên 60%. Các khoản phải thu ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn dù đã giảm so với năm 2020.

Tỷ trọng các khoản phải thu ngắn hạn năm 2021 không thay đổi so với năm 2020. Điều này thông thường sẽ không tốt vì nguồn vốn của doanh nghiệp đang bị chiếm dụng, đối mặt với nguy cơ mất vốn nếu quản trị không tốt. Tuy vậy, để duy trì mối quan hệ truyền thống, chia sẻ với khó khăn của các khách hàng trong ảnh hưởng của dịch bệnh, thì khoản phải thu cao có thể chấp nhận được. Tuy vậy, doanh nghiệp cần quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, áp dụng chính sách chiết khấu phù hợp đối với từng khách hàng để duy trì quan hệ bạn hàng

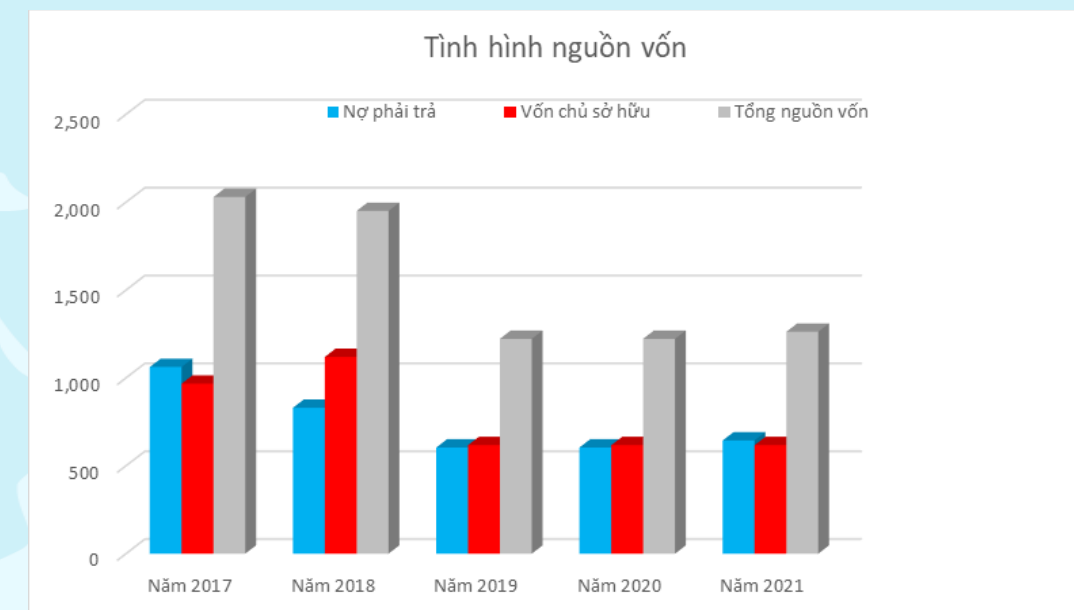
Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/ giảm (%)
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
A. Tài sản ngắn hạn	687.05	56.19%	765.74	60.63%	11.45
B. Tài sản dài hạn	535.63	43.81%	497.0	39.37%	-7.17
Tổng tài sản	1,222.68	100.00%	1,262.95	100.00%	3.29



Tình hình Nợ phải trả

Tại thời điểm ngày 31/12/2021, tổng nợ phải của QBS trả là 644,8 tỷ đồng, tăng 6,68% so với cùng kì năm 2020. Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty đạt 469,45 tỷ đồng, chiếm 72,80% trong cơ cấu tổng nợ phải trả và giảm 4,38% so với cùng kỳ năm 2020.

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/ giảm (%)
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
A. Nợ ngắn hạn	490.96	81.22%	469.91	72.80%	-4.38%
B. Nợ dài hạn	113.50	18.78%	175	27.20%	54.51%
Nợ phải trả	604.45	100.00%	644.91	100.00%	6.68%



Nợ phải trả ngắn hạn

Trong nợ ngắn hạn có ba khoản mục chiếm tỷ trọng cao là phải trả người bán ngắn hạn, Phải trả ngắn hạn khác, vay và thuê tài chính ngắn hạn lần lượt. Phải trả người bán ngắn hạn giảm còn 110,17 tỷ đồng. Công ty đã trả xong các khoản nợ ngắn hạn công ty TNHH TM và SX Phân bón Lào Cai, Công ty CP Đầu tư Quốc tế Trần Anh, Công ty CP Ecoparadise. Các khoản phải trả ngắn hạn khác tăng là do phải trả lãi vay ngân hàng NN&PTNT Việt Nam và ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Công ty đã giảm sử dụng các nguồn tín dụng ngắn hạn để đảm bảo việc thanh toán đúng hạn với người cho vay và đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp.

Nợ phải trả dài hạn:

Nợ dài hạn tăng lên 174,99 tỷ. Trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng còn 163,59 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng cao nhất. Khoản nợ dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hải Phòng đã được bán lại cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

Cơ cấu Doanh thu, Lợi nhuận

CƠ CẤU DOANH THU THEO DÒNG SẢN PHẨM					
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Doanh thu thuần		
			TH 2020	TH 2021	% Tăng trưởng
1	Doanh thu từ thương mại Phân bón	Tỷ đồng	1.168.95	1.449.28	23.98%
2	Doanh thu từ thương mại hóa chất	Tỷ đồng	24.98	62.71	151.04%
3	Doanh thu từ mảng dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác	Tỷ đồng	3.98	10	151.26%
4	Doanh thu từ thương mại các hàng hóa khác	Tỷ đồng	5.91	7.01	18.61%
	TỔNG	Tỷ đồng	1.203,83	1.529.01	27.01%

- Ngành kinh doanh phân bón, hóa chất của Công ty mẹ đạt hiệu quả do biến động về giá phân bón tăng cao so với cùng kỳ năm trước.

+ Đối với ngành phân bón: Do ảnh hưởng giá phân bón thế giới tăng cao, giá hàng phân bón trong nước cũng tăng lên tương ứng, công ty đã nắm bắt và ký kết các hợp đồng mua bán phân bón nên lợi nhuận tăng lên rõ rệt.

+ Đối với ngành hàng hóa chất: công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mảng hóa chất trong năm 2021.

Hàng lưu huỳnh, axit bắt đầu được kinh doanh nội địa trở lại, công ty đã ký kết được các hợp đồng lớn mang lại hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, nguồn hàng cung cấp nước ngoài chưa cạnh tranh cũng như việc bán hàng của các nhà máy sản xuất phân bón lớn trong nước bị trì trệ, nhiều nhà máy hoạt động chỉ 30% công suất, các nhà máy nhỏ lẻ sản xuất mía đường, giấy cũng không hoạt động, nên công ty chưa thể đẩy mạnh việc thương mại các mặt hàng nói trên.

+ Cảng ICD Quảng Bình Đình Vũ, kho bãi và các dịch vụ khác:

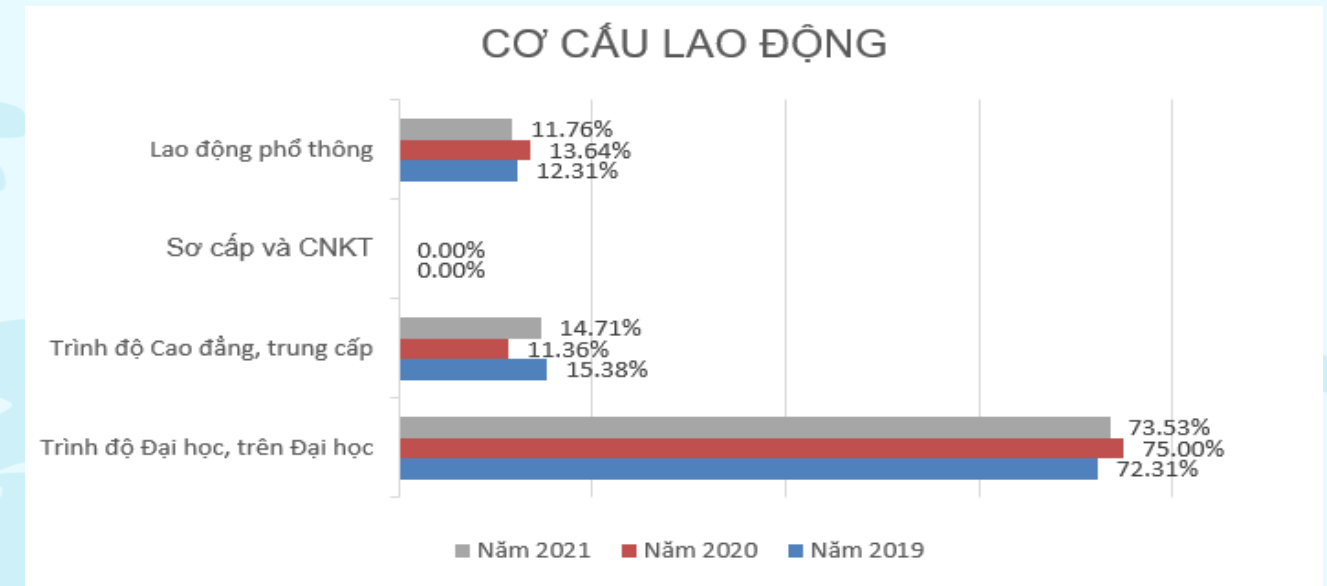
Năm 2021 tiếp tục là một năm với rất nhiều khó khăn, thách thức cho sự phát triển của kinh tế do tình hình dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, hoạt động thương mại bị tác động tiêu cực. Kể từ khi diễn biến dịch bệnh Covid 19, cộng thêm các chính sách của Chính phủ cũng như phía Trung Quốc tại các cửa khẩu dẫn đến hoạt động liên quan đến dịch vụ cảng, kho bãi của Công ty, tạm nhập tái xuất ảnh hưởng trầm trọng, doanh thu bị sụt giảm mạnh. Doanh thu từ mảng cho thuê kho bãi chiếm phần lớn doanh thu do công ty ký được các hợp đồng thuê kho, tuy nhiên thời gian của các hợp đồng này là ngắn hạn, về lâu dài tình hình không được khả quan.



3. NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Trong 2021, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã có những thay đổi trong chính sách nhân sự của mình. Công ty tiếp tục giảm số lượng nhân viên từ 44 xuống còn 34 người. Đây là một hướng đi đúng đắn khi thấy được hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh, hệ thống máy móc hiện đại dần thay thế lao động tay chân của QBS. Bên cạnh đó cũng do tác động của dịch bệnh đã ảnh hưởng 1 phần hoạt động sản xuất kinh doanh và chính sách nhân sự của công ty.

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
I	Theo trình độ lao động				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	47	33	25
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	10	5	5
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	0	0	0
4	Lao động phổ thông	Người	8	6	4
II	Theo giới tính				
1	Nam	Người	38	24	16
2	Nữ	Người	27	20	18
III	Theo chỉ tiêu khác				
1	Có hợp đồng lao động	Người	65	44	34
2	Lương theo giờ	Người	0	0	0
Tổng cộng		Người	65	44	34



4. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mảng Phân bón:

Tiếp tục, theo dõi sát sao tình hình thị trường hơn nữa, đảm bảo kế hoạch hàng hóa được liên tục, thông suốt đối với các mặt hàng thương mại nội địa để có hàng liên tục chào bán khách hàng.

Với các mặt hàng thương mại quốc tế, tập trung mở rộng phát triển thêm khách hàng ngoài những khách hàng đã có. Ngoài ra, đa dạng thêm nhà cung cấp trong nước để có nhiều sự lựa chọn hơn.

Nghiên cứu và phát triển mặt hàng thương mại quốc tế để tăng doanh thu, lợi nhuận trong các năm tiếp theo.

Mảng hóa chất:

Tiếp tục tìm kiếm và kết nối lại các khách hàng có nhu cầu hàng lưu huỳnh để trở lại tăng trưởng bán hàng lưu huỳnh trong thị trường nội địa. Hàng axit sulphuric sẽ tăng cường bán hàng và kết nối với các nhà máy lớn, cũng như các khách hàng nhỏ lẻ.

Dịch vụ kho bãi, cảng cạn và các dịch vụ khác:

Đối với Cảng cạn: Hội đồng quản trị tiếp tục đề xuất Đại hội cổ đông thông qua phương án thoái vốn tại Công ty CP Cảng Cạn ICD Quảng Bình – Đình Vũ để tái cơ cấu lại tài sản công ty nhằm đảm bảo khả năng thanh toán

Một số vấn đề khác:

- Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền để chống việc rủi ro liên quan đến các vấn đề tài chính, nợ xấu.
- Khuyến khích việc đưa ra các sáng kiến, ý tưởng, dự án nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao được hiệu quả công việc.
- Liên tục cập nhật và xây dựng các chính sách nhằm giữ nhân lực chủ chốt và hấp dẫn thu hút nguồn nhân lực.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ - xuất nhập khẩu, Công ty hiện không có nhà máy sản xuất, hoạt động chủ yếu tại các khối văn phòng. Vì vậy Công ty không trực tiếp liên quan đến vấn đề xử lý chất thải do quá trình sản xuất tạo ra. Tuy nhiên, ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong Công ty vẫn luôn được đề cao, một trong số đó là ý thức về việc tiết kiệm tài nguyên nước và điện năng. Công ty luôn nhắc nhở kịp thời những cá nhân, tập thể chưa có ý thức trong việc sử dụng tiết kiệm điện và nước.

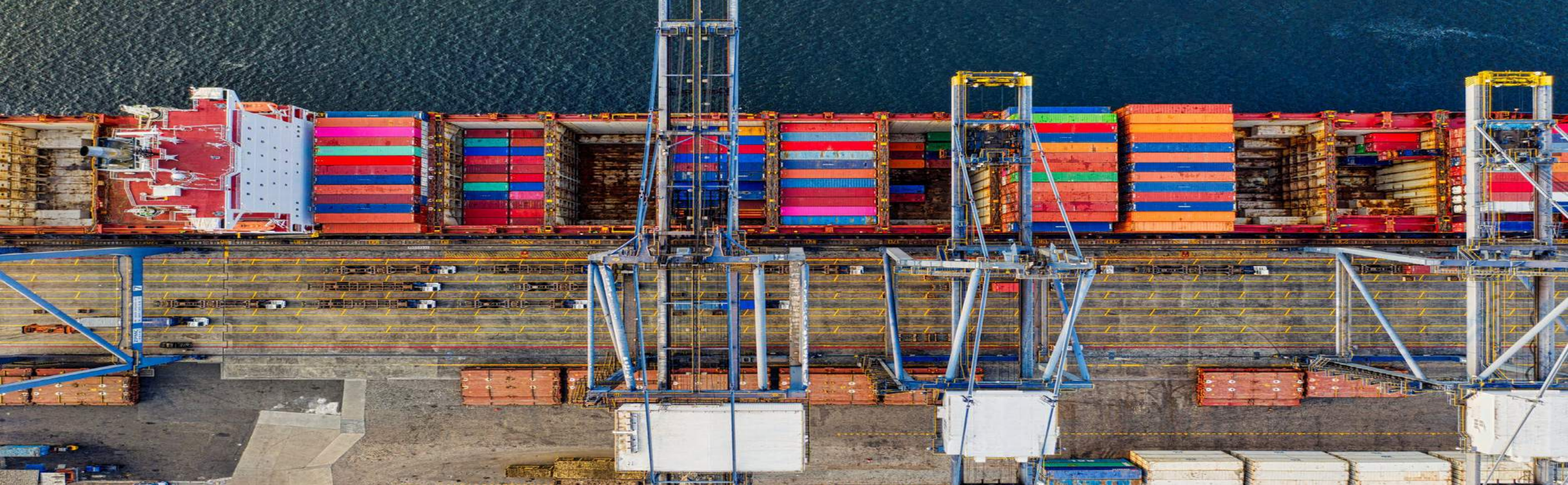
Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban giám đốc đánh giá cao các chính sách của QBS đối với người lao động như chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương – thưởng, chính sách phúc lợi – đãi ngộ, chính sách đào tạo – tuyển dụng. Công ty luôn có sự quan tâm kịp thời đối với người lao động, giữ chân những lao động có kinh nghiệm lâu năm đồng thời đào tạo phát triển những nhân lực trẻ, có năng lực.

Ban giám đốc cũng tham gia vào quá trình xây dựng các chính sách dành cho người lao động để vừa phù hợp với pháp luật hiện hành cũng vừa đảm bảo người lao động được hưởng những quyền lợi tốt nhất.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Một trong những mục tiêu hoạt động của QBS là có thể đóng góp cho địa phương, góp phần tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng. Công ty trao tặng các suất quà cho các hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn nhân dịp Tết Nguyên Đán. Bên cạnh đó, QBS còn tổ chức hoạt động từ thiện tại vùng cao, cụ thể là Sapa. Ban giám đốc luôn đốc thúc, sát sao trong các hoạt động từ thiện tại địa phương cũng như các chương trình từ thiện ở vùng cao. Qua đó đưa hình ảnh Công ty trở nên gần gũi hơn, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên với cộng đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. Hội đồng quản trị Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt cùng với sự nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên. Phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, chịu ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như đại dịch Covid – 19, thị trường kinh tế biến động, khí hậu biến đổi, ngành phân bón có sự suy thoái, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện (Tỷ đồng)		KH 2021 (Tỷ đồng)	%	
	2020	2021		So với KH	So với 2020
Doanh thu	1,203.83	1,529.01	800- 1,000	52.90%	27.01%
Lợi nhuận trước thuế	-98.95	5.58	15	37.2%	105.64%
Lợi nhuận sau thuế	-97.95	0.11	12	0.92%	100.11%

- Tổng doanh thu năm 2021 đạt 1.529 tỷ đồng, tăng 325,174 tỷ đồng, tương ứng tăng 27,01% so với năm 2020. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 0,591 tỷ đồng, tương ứng tăng 23,01% so với năm 2020. Thu nhập khác tăng 1,396 tỷ so với năm 2020, tương ứng tăng 40,13 %.

2. ĐÁNH GIÁ VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Trong năm 2021, công tác ATLĐ – VSCN – PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Công tác PCCN được thường xuyên kiểm tra, đảm bảo quy trình, quy định. Công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng dịch Covid – 19.

- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định đối với người lao động.

- Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2021 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình vẫn không quên trách nhiệm với môi trường, xã hội. Trước hết là trách nhiệm với môi trường, dù không phải là Công ty thuộc lĩnh vực sản xuất, QBS vẫn luôn tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường tại khu vực hoạt động kinh doanh của mình. Tiếp theo là trách nhiệm với xã hội, Công ty vẫn luôn trích lập các quỹ phát triển cộng đồng để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Hải phòng và các khu vực miền núi.



3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp về việc triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của công ty, các buổi họp liên quan đến đầu tư tài chính, bổ nhiệm nhân sự.

Trong thời gian vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 buổi họp Đại hội cổ đông để thông qua các kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và 24 buổi họp Hội đồng quản trị.

Kết quả hoạt động của Ban Giám đốc năm 2021

Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết, kinh nghiệm trên thị trường phân bón, cảng biển cũng như kinh nghiệm quản lý điều hành hiệu quả trong công việc và trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình thị trường phân bón, hóa chất gặp nhiều khó khăn, tình hình thời tiết diễn biến bất thường, Ban Giám đốc phối hợp cùng Hội đồng quản trị đã có các chiến lược, biện pháp chủ động để thích nghi với tình hình thực tế.

Kết luận

Như vậy Ban Giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tuân thủ đầy đủ và đúng các quy trình, quy định đề ra theo pháp luật, Điều lệ công ty, định hướng phát triển của Công ty. Đảm bảo được lợi ích của cả cổ đông và của cả Công ty và các cán bộ công nhân viên.

4. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2022

a. Mảng hóa chất và các mặt hàng khác:

Tiếp tục tìm kiếm và kết nối lại các khách hàng có nhu cầu hàng lưu huỳnh để trở lại tăng trưởng bán hàng lưu huỳnh trong thị trường nội địa. Hàng axit sulphuric sẽ tăng cường bán hàng và kết nối với các nhà máy lớn, cũng như các khách hàng nhỏ lẻ, dự kiến kế hoạch đề ra nhập khẩu 30.000 tấn trong năm 2022.

b. Dịch vụ kho bãi, cảng cạn và các dịch vụ khác:

- Hội đồng quản trị vẫn tiếp tục đàm phán và hoàn thiện các thủ tục để thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ

Phương hướng thực hiện

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa sâu, quản lý chuyên nghiệp, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.

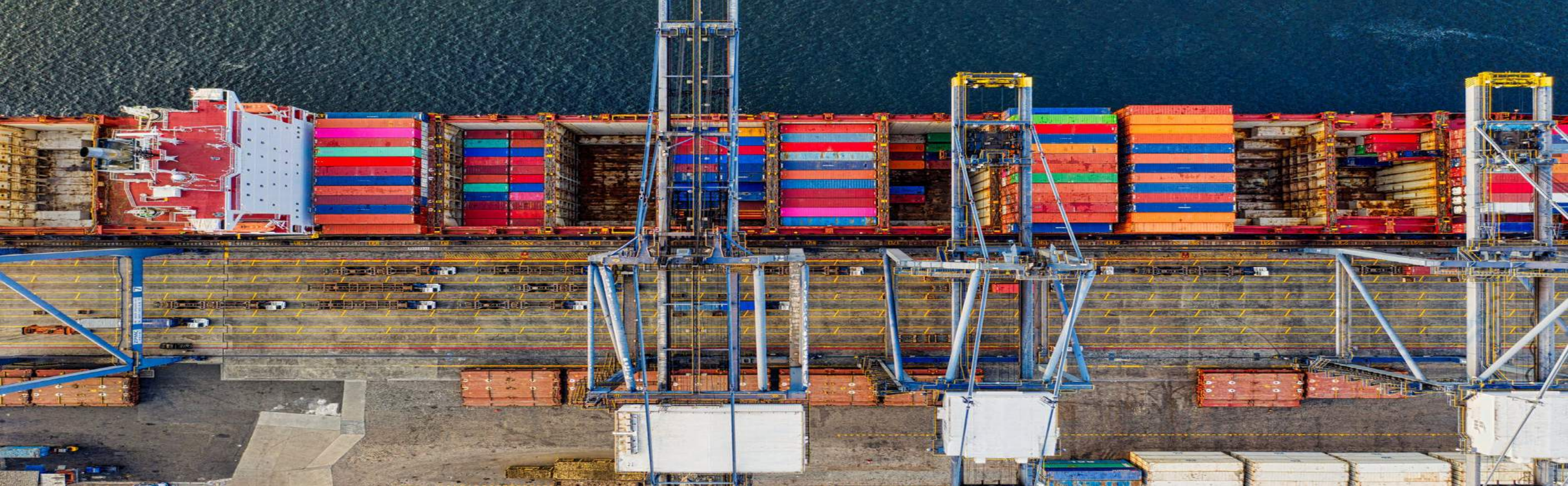
- Kiểm soát chặt chẽ trong quản lý chất lượng, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết được các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước biến động kinh tế toàn cầu.

- Đưa ra phương án tối ưu đối trong vấn đề tài chính của đơn vị thành viên, Công ty con để xử lý các tồn đọng, khó khăn cũng như hạn chế thấp nhất những rủi ro tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ.

- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Giám Đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đề ra trong năm 2022.

- Tiếp tục cùng Ban giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng mạng lưới khách hàng, kinh doanh bền vững.

- Đối với vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự của Công ty.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám Đốc.

Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề tài chính, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại công ty CP Vật tư và XNK Hóa chất cho ông Bùi Tổ Minh.

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 buổi Đại hội cổ đông để thông qua kết quả kinh doanh năm 2020; phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2021 và 24 buổi họp Hội đồng quản trị.

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch	05/03/2014	24	100%
2	Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên	20/04/2021 (Được bầu làm Thành viên HĐQT từ 20/04/2021)	12	50%
3	Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	20/04/2020 (Được bầu làm Thành viên HĐQT từ 20/04/2020)	24	100%

Đánh giá của Hội đồng quản trị trong năm 2021

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT.

Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2021

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-01/2021/NQ-HĐQT	06/01/2021	Thông qua việc mua 15.000 tấn lưu huỳnh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty

2	01-02/2021/NQ-HĐQT	25/02/2021	Thông qua việc sử dụng tài sản bảo đảm
3	02-02/2021/NQ-HĐQT	26/02/2021	Thông qua việc thanh lý xe ô tô cũ
4	03-02/2021/NQ-HĐQT	27/02/2021	Thông qua việc cho Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ vay tiền để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức là 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn)
5	01-03/2021/NQ-HĐQT	01/03/2021	thông qua việc chuyển nhượng đất tại Lương Sơn, Hòa Bình
6	02-03/2021/NQ-HĐQT	02/03/2021	thông qua ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
7	04-03/2021/NQ-HĐQT	08/03/2021	Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng
8	05-03/2021/NQ-HĐQT	08/03/2021	Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng
9	06-03/2021/NQ-HĐQT	30/03/2021	Thông qua đơn từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị
10	01-04/2021/NQ-HĐQT	12/04/2021	Thông qua việc chuyển giao dịch tạm thời cổ phiếu QBS từ sàn giao dịch thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) sang sàn giao dịch thành phố Hà Nội (HNX)
11	02-04/2021/NQ-HĐQT	22/04/2021	Thông qua thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
12	03-04/2021/NQ-HĐQT	23/04/2021	Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 -2026
13	04-04/2021/ NQ-HĐQT	28/04/2021	Thông qua hủy hợp đồng góp vốn bằng tài sản và phương án chuyển nhượng 5 lô đất tại thôn Bản Cầm, xã Nậm Chủ, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
14	01-06/2021/NQ-HĐQT	17/06/2021	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
15	02-06/2021/NQ-HĐQT	28/06/2021	Thông qua phương án thoái vốn đầu tư của công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ
16	01-11/2021/NQ-HĐQT	25/11/2021	Thông qua việc vay vốn của người nội bộ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
17	02-11/2021/NQ-HĐQT	29/11/2021	Thông qua việc vay vốn của người nội bộ - Tổng Giám đốc Hoàng Văn Hưng
18	03-11/2021/NQ-HĐQT	30/11/2021	Thông qua việc vay vốn của người nội bộ - Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thanh Bình
19	01-12/2021/NQ-HĐQT	01/12/2021	Thông qua cam kết thỏa thuận với Công ty Quản lý Tài sản (VAMC)
20	02-12/2021/NQ-HĐQT	02/12/2021	Thông qua việc vay vốn và thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) chi nhánh Bắc Hải Phòng
21	03-12/2021/NQ-HĐQT	22/12/2021	Thông qua việc bán cổ phần
22	04-12/2021/NQ-HĐQT	29/12/2021	Thông qua việc gia hạn thời gian thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ

3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	05/03/2014	04	100%
2	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	05/03/2014	04	100%
3	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	24/03/2017	04	100%

Thù lao của HĐQT, BKS và BGD

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/1 người/1 tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	9,000,000
2	Thành viên HĐQT	7,200,000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	8,000,000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	6,000,000

Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT

Đầu năm 2021, Ban Kiểm soát đã tiến hành họp để phân công nhiệm vụ của từng thành viên và thống nhất kế hoạch kiểm soát hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2021. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định, chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển.

Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc và Bộ máy quản lý

Ban Tổng giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

Đối với cổ đông

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tham dự 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin theo yêu cầu.

4. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật

Tham gia các hội nghị, hội thảo do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh tổ chức để cập nhật các quy định, nghị định mới





BÁO CÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. MỤC TIÊU CHUNG
2. MỤC TIÊU SẢN PHẨM
3. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG
4. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
5. HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

1. MỤC TIÊU CHUNG

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thương mại phân bón, hóa chất, QBS nhận thức rõ các trách nhiệm của mình trong việc thực hiện sản xuất kinh doanh đi đôi với bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm an toàn, chất lượng. Quảng Bình luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cam kết tạo nên sản phẩm chất lượng cao - thân thiện môi trường nhằm góp phần cho sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp Việt Nam. Công ty đã đề ra các mục tiêu như sau:

- Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong quá trình sản xuất phân bón nhằm tạo ra các sản phẩm phân bón chất lượng nhất tới tay người nông dân.
- Nghiêm túc thực hiện các quy định Pháp luật về môi trường trong việc xử lý các chất thải trong quá trình sản xuất.
- Hỗ trợ bà con nông dân xung quanh nhà máy các sản phẩm phân bón phù hợp với cây trồng, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trong khu vực.
- Cùng các chuyên gia nghiên cứu, nâng cao hiệu quả dây chuyền máy móc sản xuất, giảm thiểu tối đa sức lao động, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao công suất nhà máy, chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng nhà ở cho CBCNV ở xa, xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, đảm bảo tận dụng tối đa nguồn ánh sáng và gió tự nhiên nhằm giảm thiểu tiêu hao năng lượng chiếu sáng, điều hòa; đảm bảo an toàn vệ sinh trong lao động và sinh hoạt.



2. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu:

QBS hoạt động trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu nên các nguồn nguyên vật liệu Công ty sử dụng chủ yếu là các nguyên vật liệu thô và lượng sử dụng là không đáng kể.

Tiêu thụ năng lượng trực tiếp và gián tiếp:

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong đó chủ yếu là hoạt động văn phòng của cán bộ công nhân viên, Công ty tiêu thụ nguồn năng lượng đến từ điện. Vì vậy QBS đang xem xét định hướng trong các năm tới sẽ thay thế các thiết bị hiện tại bằng các thiết bị tiết kiệm điện năng đồng thời vẫn đảm bảo được hiệu suất hoạt động.

Tiêu thụ nước:

Công ty luôn chú trọng trong việc có thể góp phần tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên thông qua sử dụng tiết kiệm điện, nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường không chỉ trong khu vực làm việc của cán bộ công nhân viên mà còn cả các khu vực khuôn viên xung quanh Công ty.

3. CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách phát triển nhân lực:

Nhân lực là nguồn vốn quý giá và then chốt.

Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được quá trình phát triển kinh doanh của công ty và tham gia xây dựng đất nước.

Quảng Bình thực hiện chính sách sử dụng nguồn nhân lực lâu dài bằng các chương trình huấn luyện đào tạo và phân công công việc hợp lý, nhằm tạo môi trường tốt nhất để nguồn nhân lực phát triển đồng hành cùng quá trình phát triển của công ty

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, đồng thời tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực từ bên ngoài và các chuyên gia nước ngoài có khả năng huấn luyện, đào tạo.

Nguồn nhân lực hòa nhập văn hóa công ty và đảm bảo tính toàn vẹn giá trị cốt lõi mà công ty đã hình thành trong quá trình phát triển.

Chính sách lương - thưởng:

Chính sách lương: người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với từng vị trí/chức danh được phân công. Đảm bảo thu nhập của CBCNV cạnh tranh và tương xứng với các đơn vị cùng ngành nghề, cùng khu vực trong từng thời điểm. Lương thu nhập bao gồm lương cơ bản và các loại phụ cấp lương tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động.

Chính sách thưởng: Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại KPI (hiệu quả công việc) của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến được áp dụng trong công việc, mang lại hiệu quả cho Công ty.

Chính sách phúc lợi - đãi ngộ:

Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của Pháp luật, Công ty còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như:

- Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hưu sản, hiếu hi, ...
- Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của Người lao động và tạo điều kiện cho tham gia thực tập thực tế tại các đơn vị trong Công ty;
- Công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với người lao động.
- Hỗ trợ thêm các trường hợp hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.
- Tổ chức tham quan nghỉ mát và các hoạt động văn thể mỹ (8-3 , 2-9 , 20-10)

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần (quà tặng cưới hỏi, trợ cấp khó khăn, ốm đau, hiếu hi, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi...).

Chính sách đào tạo - tuyển dụng:

Công tác đào tạo: Là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong xây dựng và phát triển nhân lực. Áp dụng chương trình đào tạo đa dạng: hội nhập, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, công nghệ mới..., nội bộ hoặc bên ngoài. Chú trọng huấn luyện đào tạo qua công việc: Cấp trên đào tạo cấp dưới, chuyên viên cấp cao/thợ bậc cao đào tạo cấp thấp hơn. Luân chuyển nguồn nhân lực để đào tạo qua công việc thực tế. Bao gồm đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ... Thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề có thực hành tại các phòng ban, đơn vị sản xuất, hỗ trợ một phần học phí cho người lao động tự học.

Công tác tuyển dụng thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. Các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

4. PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Hoạt động tại địa phương

Nhân dịp Tết đến, xuân về, Công ty CP XNK Quảng Bình trao tặng gần 100 suất quà (bao gồm tiền và hiện vật) cho các gia đình chính sách tại các xã Đông Sơn, Hòa Bình, Tân Dương (huyện Thủy Nguyên), phường Hạ Lý, Trại Chuối (quận Hồng Bàng).

Công ty CP XNK Quảng Bình định kỳ tổ chức các buổi hoạt động nhỏ mang quà đến cho các cháu thiệt thòi tại Trung tâm Lao động Thanh Xuân (Hải An, Hải Phòng)

Tổ chức thiện nguyện tại bản Sâu Chua (Sapa, Lào Cai)

Ủng hộ đồng bào miền Nam chịu tác động của dịch Covid-19.

5. HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

QBS vẫn đang thực hiện đầy đủ hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty trong năm và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch	
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2021
Bà Nguyễn Thị Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/04/2021

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất - hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng quản trị
 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/03/2022, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán phù hợp được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31/12/2021 nên chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm tại ngày 31/12/2021. Chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê tại thời điểm kiểm toán và cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Vì vậy chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu và chính xác của các khoản mục hàng tồn kho được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021 với giá trị là 652.087.280 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		765.910.034.583	687.051.801.844
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.763.877.507	11.224.313.832
1. Tiền	111		3.763.877.507	6.492.313.832
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	4.732.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		318.900.000	10.300.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		318.900.000	10.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		749.192.663.228	645.475.219.994
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	750.798.164.981	168.769.682.234
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.382.192.893	482.556.633.184
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	446.924.855	1.670.008.030
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.434.619.501)	(7.521.103.454)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	652.087.280	16.729.055.775
1. Hàng tồn kho	141		652.087.280	16.729.055.775
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.982.506.568	3.323.212.243
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	209.466.731	123.543.221
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.772.300.137	2.759.888.384
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	739.700	439.780.638
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		497.037.569.225	535.631.242.305
II. Tài sản cố định	220		209.656.001.926	223.644.327.469
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	129.256.001.926	141.242.677.469
- Nguyên giá	222		182.297.817.622	182.710.053.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.041.815.696)	(41.467.376.517)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	80.400.000.000	82.401.650.000
- Nguyên giá	228		80.400.000.000	82.401.650.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.332.157.637	1.332.157.637
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.332.157.637	1.332.157.637
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	15.106.282.166	31.455.256.918
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.160.000.000	54.160.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.053.717.834)	(22.704.743.082)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		270.943.127.496	279.199.500.281
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	270.943.127.496	279.199.500.281
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.262.947.603.808	1.222.683.044.149

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		644.912.142.353	604.453.905.624
I. Nợ ngắn hạn	310		469.914.746.779	490.955.774.365
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	110.173.201.275	173.749.348.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	988.344.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	545.961.989	35.139.259
4. Phải trả người lao động	314		72.600.648	93.138.574
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	117.221.008.765	73.540.578.924
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	234.125.749.965	234.772.999.972
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
II. Nợ dài hạn	330		174.997.395.574	113.498.131.259
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	163.598.416.659	106.277.166.624
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		11.398.978.915	7.220.964.635
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		618.035.461.455	618.229.138.525
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	618.035.461.455	618.229.138.525
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(92.915.570.984)	(93.012.034.198)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(93.316.904.213)	4.582.859.832
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		401.333.229	(97.594.894.030)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.208.403.142	5.498.543.426
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.262.947.603.808	1.222.683.044.149



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởng

Trần Xuân Đạt
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.529.008.701.582	1.203.833.944.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.529.008.701.582	1.203.833.944.092
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.490.657.008.426	1.223.390.453.126
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.351.693.156	(19.556.509.034)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.163.504.584	2.571.847.343
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.621.782.078	79.279.979.910
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.954.870.693	41.838.111.582
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	740.101.971
9. Chi phí bán hàng	25		196.879.496	106.942.392
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.210.282.529	5.631.276.884
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.486.253.637	(101.262.758.906)
12. Thu nhập khác	31		4.877.867.587	3.481.058.089
13. Chi phí khác	32		2.779.292.365	1.167.364.407
14. Lợi nhuận khác	40	VI.6	2.098.575.222	2.313.693.682
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.584.828.859	(98.949.065.224)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.295.621.634	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.178.014.280	(996.751.113)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		111.192.945	(97.952.314.111)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		401.333.229	(97.288.091.678)
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(290.140.284)	(664.222.433)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	6	(1.403)



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởng

Trần Xuân Đạt
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.584.828.859	(98.949.065.224)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.842.392.813	11.758.548.420
- Các khoản dự phòng	03		(14.737.509.201)	(79.334.137.748)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		333.102.071	(411.307.760)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(281.595.360)	109.538.088.864
- Chi phí lãi vay	06		43.954.870.693	41.838.111.582
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	402.600.385
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.696.089.875	(15.157.161.481)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(106.567.798.216)	80.070.816.089
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.076.968.495	(6.916.091.519)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(64.517.071.212)	(24.540.597.815)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.170.449.275	8.819.998.037
- Tiền lãi vay đã trả	14		(539.088.947)	(723.939.097)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(954.870.015)	(3.365.027.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(101.635.320.745)	38.187.996.492
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(2.410.333.637)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.960.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(54.160.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34.000.000.000	28.510.447.991
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.540.432.199	(72.780.908)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		47.500.432.199	(21.432.666.554)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		58.577.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.902.999.972)	(27.532.999.972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		56.674.000.028	(27.532.999.972)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.539.111.482	(10.777.670.034)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.224.313.832	22.002.756.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		452.193	(772.595)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	13.763.877.507	11.224.313.832

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12/03/2007, thay đổi lần thứ 29 ngày 27/04/2020.

• **Vốn điều lệ:** 693.299.280.000 VND
+ Số cổ phiếu: 69.329.928 cổ phiếu
+ Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động:** Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

• **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

• **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

• **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. Công ty con được hợp nhất

Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ

* Địa chỉ: Lô CN4.4F + Lô CN4.4G + Lô CN4.4H, khu công nghiệp Đình Vũ (thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải), Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

* Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 98,63%

* Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2021: 98,63%

3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị tin rằng hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty không bị tác động trọng yếu bởi dịch bệnh. Ban Lãnh đạo Công ty vẫn đang theo dõi, đánh giá những ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh COVID-19 đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới cũng như chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch ứng phó cho phù hợp với tình hình dịch bệnh.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Trần Thị Yên Chi
Kế toán trưởng

Trần Xuân Đạt
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC & Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay, phải thu khác, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải trả khác, vay và nợ thuế tài chính, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu ưu đãi.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu riêng và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

	Mức trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá vốn của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định hữu hình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài. Công ty không trích khấu hao với Quyền sử dụng đất này.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

10. Chi phí trả trước

Chi phí giải phóng mặt bằng, các công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Đơn vị tính: VND)

	1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Cuối năm	Đầu năm		
Tiền mặt	920.854.689	1.687.817.886		
Tiền gửi ngân hàng	2.843.022.818	4.804.495.946		
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	4.732.000.000		
Cộng	13.763.877.507	11.224.313.832		
	2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn			
	Cuối năm	Đầu năm		
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	10.028.308.433	15.424.629.897		
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	-	33.583.282.094		
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội	-	4.525.020.716		
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	178.676.350.000	82.136.400.000		
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ và XNK Trần Trang	-	20.936.250.000		
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	281.841.995.000	-		
- Công ty CP Phát triển phân bón Đình Vũ	116.940.072.995	-		
- Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	84.662.050.000	-		
- Các khoản phải thu khách hàng khác	78.649.388.553	12.164.099.527		
Cộng	750.798.164.981	168.769.682.234		
Trong đó, Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1)				
	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn			
	Cuối năm	Đầu năm		
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	-	70.000.000.000		
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	-	72.063.362.995		
- Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu EAG	-	100.000.000.000		
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	-	112.000.000.000		
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	-	110.000.000.000		
- Công ty CP Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	4.465.825.912		
- Trả trước người bán ngắn hạn khác	3.916.366.981	14.027.444.277		
Cộng	8.382.192.893	482.556.633.184		
	4. Phải thu ngắn hạn khác			
	Cuối năm	Đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	225.000.000	-	375.000.000	-
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.708.233	-	1.144.277.808	-
- Phải thu ngắn hạn khác	149.216.622	-	150.730.222	-
Cộng	446.924.855	-	1.670.008.030	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN /HN

5. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-
- Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
- Các khoản khác	3.105.195.051	-	191.679.004	-
Cộng	10.434.619.501	-	7.521.103.454	-

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	652.087.280	-
- Hàng hóa	-	-	16.076.968.495	-
Cộng	652.087.280	-	16.729.055.775	-

7. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
	a. Ngắn hạn	209.466.731
- Công cụ dụng cụ phân bổ	33.937.788	70.882.827
- Chi phí mua bảo hiểm	81.702.869	-
- Chi phí trả trước khác	93.826.074	52.660.394
b. Dài hạn	270.943.127.496	279.199.500.281
- Chi phí thuê đất (i)	270.492.792.162	277.920.511.854
- Chi phí hạ tầng	108.220.969	-
- Chi phí trả trước khác	342.114.365	1.278.988.427
Cộng	271.152.594.227	279.323.043.502

(i): Tiền thuê đất của Công ty CP Khu Công nghiệp Đình Vũ, diện tích thuê 184.992 m² tại các vị trí CN4.4F, CN 4.4G và CN4.4H Khu Công nghiệp Đình Vũ. Thời hạn: đến hết ngày 23/06/2058. Tiền thuê đất được thanh toán 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
	- Hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Kho ngoại quan Đình Vũ	319.545.455	319.545.455
- Khác	143.750.000	143.750.000
Cộng	1.332.157.637	1.332.157.637

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	132.360.106.460	6.574.371.773	41.570.497.238	2.205.078.515	182.710.053.986
Mua trong năm	-	-	(412.236.364)	-	(412.236.364)
Số dư cuối năm	132.360.106.460	6.574.371.773	41.158.260.874	2.205.078.515	182.297.817.622
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	24.986.402.538	423.082.605	14.831.715.526	1.226.175.848	41.467.376.517
Khấu hao trong năm	7.118.806.284	10.255.248	4.486.609.122	226.722.159	11.842.392.813
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(267.953.634)	-	(267.953.634)
Số dư cuối năm	32.105.208.822	433.337.853	19.050.371.014	1.452.898.007	53.041.815.696
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	107.373.703.922	6.151.289.168	26.738.781.712	978.902.667	141.242.677.469
Tại ngày cuối năm	100.254.897.638	6.141.033.920	22.107.889.860	752.180.508	129.256.001.926

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2021 là quyền sử dụng đất của 02 lô đất với tổng diện tích 6.810 m² tại xóm Suối Nậy, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với nguyên giá 80.400.000.000 đồng. Công ty không trích khấu hao đối với các quyền sử dụng đất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	20.160.000.000	(5.053.717.834)	54.160.000.000	(22.704.743.082)
* Đầu tư vào đơn vị khác	20.160.000.000	(704.716.254)	4.560.000.000	(255.575.748)
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	-	34.000.000.000	(19.264.708.887)
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	-	(4.349.001.580)	15.600.000.000	(3.184.458.447)
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội	15.600.000.000	-	-	-
Cộng	20.160.000.000	(5.053.717.834)	54.160.000.000	(22.704.743.082)

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2021. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đầu tư vào Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	TP. Hà Nội	19,00%	19,00%	Kinh doanh thương mại
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội	TP. Hà Nội	15,00%	15,00%	Kinh doanh thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	234.125.749.965	234.125.749.965	60.479.999.972	61.127.249.979	234.772.999.972	234.772.999.972
a.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	231.747.000.000	231.747.000.000	58.577.000.000	-	173.170.000.000	173.170.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức (i)	53.170.000.000	53.170.000.000	-	-	53.170.000.000	53.170.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng (ii)	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vay cá nhân	58.577.000.000	58.577.000.000	58.577.000.000	-	-	-
a.2. Vay dài hạn đến hạn trả	2.378.749.965	2.378.749.965	1.902.999.972	61.127.249.979	61.602.999.972	61.602.999.972
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng (iii)	-	-	-	59.700.000.000	59.700.000.000	59.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng (iv)	2.378.749.965	2.378.749.965	1.902.999.972	1.427.249.979	1.902.999.972	1.902.999.972
b. Vay dài hạn	163.598.416.659	163.598.416.659	161.360.000.000	104.038.749.965	106.277.166.624	106.277.166.624
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng (iii)	-	-	-	101.660.000.000	101.660.000.000	101.660.000.000
- Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (v)	161.360.000.000	161.360.000.000	161.360.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng (iv)	2.238.416.659	2.238.416.659	-	2.378.749.965	4.617.166.624	4.617.166.624
Cộng	397.724.166.624	397.724.166.624	221.839.999.972	165.165.999.944	341.050.166.596	341.050.166.596

c. Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh VII.1)

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng

Cuối năm		Đầu năm	
Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
53.170.000.000	26.330.717.825	53.170.000.000	19.551.542.818
120.000.000.000	39.849.863.010	120.000.000.000	24.549.863.011
-	-	161.360.000.000	27.891.341.297
173.170.000.000	66.180.580.835	334.530.000.000	71.992.747.126

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

- (i) **Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức:**
Hợp đồng tín dụng số 1483 - LAV - 201700011 ngày 06/01/2017; hạn mức: 400.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017; Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;
- (ii) **Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng:**
Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV201700161/HETD ngày 18/04/2017; hạn mức: 120.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ký; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;
- (iii) **Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng:**
Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HDDTDDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015; Hạn mức: 231.495.000.000 VND; Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư của dự án trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ; Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;
- (iv) **Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hải Phòng theo các Hợp đồng:**
+ Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HETD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an tâm tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTĐ; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
+ Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HETD/THU/02 ngày 09/05/2019; Hạn mức: 7.499.999.886 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
- (v) **Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam:**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng (VietinBank HP) phát hành thông báo số 1131/TB-CNHPO4 ngày 29/12/2021 về việc bán nợ của Công ty CP XNK Quảng Bình. Theo thông báo, VietinBank HP đã bán nợ thương mại đối với khoản nợ của Công ty CP XNK Quảng Bình cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), việc thực hiện mua bán nợ phù hợp theo Quy định số 42/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội.
Cụ thể, việc mua bán giữa Vietin Bank HP và VMAC được thực hiện theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2021/HMBN/VAMC3-VietinBank ngày 24/12/2021; VAMC mua khoản nợ của Công ty CP XNK Quảng Bình còn nợ VietinBank HP theo Hợp đồng tín dụng gốc số 01/2016-HBTTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung với Tổng nợ gốc là 161.360.000.000 VND và tổng nợ lãi là 48.819.883.176 VND.
Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) phát hành thông báo số 21/VAMC-Ban3 ngày 06/01/2022 về việc mua khoản nợ gốc và lãi quá hạn của Công ty từ VietinBank HP, đồng thời đề nghị Công ty thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi và các khoản phí khác phát sinh (nếu có) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông báo. Cho đến thời điểm báo cáo, Công ty vẫn chưa thực hiện các thủ tục để thanh toán hoặc gia hạn thanh toán với VAMC.

19

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

13. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH TM và SX Phân bón Lào Cai	-	-	73.861.680.000	73.861.680.000
- Công ty CP Đầu tư Quốc tế Trần Anh	-	-	36.400.000.000	36.400.000.000
- Công ty CP Ecomparadise Việt Nam	-	-	25.522.200.000	25.522.200.000
- Công ty CP Thương mại dịch vụ và XNK Trần Trang	76.092.200.000	76.092.200.000	-	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	19.648.827.780	19.648.827.780	-	-
- Các nhà cung cấp khác	14.432.173.495	14.432.173.495	37.965.468.599	37.965.468.599
Cộng	110.173.201.275	110.173.201.275	173.749.348.599	173.749.348.599

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Phải thu đầu năm	Phải nộp trong năm		Phải thu cuối năm	Phải nộp cuối năm
		Phải nộp đầu năm	Phải nộp trong năm		
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	339.040.938	-	461.061.387	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.000.000	-	954.870.015	-	545.621.634
- Thuế thu nhập cá nhân	739.700	35.139.259	61.998.118	739.700	340.355
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	84.802.196	-	-
Cộng	439.780.638	35.139.259	1.562.731.716	739.700	545.961.989

20

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

15. Phải trả khác

	Cuối năm	Đầu năm
a. Phải trả ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	29.991.184	35.147.824
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức	26.330.717.825	19.551.542.818
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	39.849.863.010	24.549.863.011
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	27.891.341.297
- Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	49.227.948.037	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	155.000.000	155.000.000
- Mượn tiền bà Nguyễn Thị Thanh Hương	886.000.000	310.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	1.047.683.974
Cộng	117.221.008.765	73.540.578.924
b. Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1)		
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức	26.330.717.825	19.551.542.818
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	39.849.863.010	24.549.863.011
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	27.891.341.297
Cộng	66.180.580.835	71.992.747.126

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC						
Số dư đầu năm	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	4.582.859.832	7.052.559.369	717.378.048.498
Lỗ trong năm	-	-	-	(97.288.091.678)	(664.222.433)	(97.952.314.111)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư tại Công ty con Tăng, (giảm) khác	-	-	-	-	(889.793.510)	(889.793.510)
Số dư cuối năm	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(93.012.034.198)	5.498.543.426	618.229.138.525
NĂM NAY						
Số dư đầu năm	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(93.012.034.198)	5.498.543.426	618.229.138.525
Lãi trong năm	-	-	-	401.333.229	(290.140.284)	111.192.945
Tăng, (giảm) khác	-	-	-	(304.870.015)	-	(304.870.015)
Số dư cuối năm	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(92.915.570.984)	5.208.403.142	618.035.461.455

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

16.2. *Cổ phiếu*

	Cuối năm <i>Cổ phiếu</i>	Đầu năm <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	1.519.003.829.885	1.197.132.216.513
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.004.871.697	6.701.727.579

Các khoản giảm trừ doanh thu

	-	-
Doanh thu thuần	1.529.008.701.582	1.203.833.944.092

Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1)

2. **Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng	1.460.503.588.902	1.188.064.894.694
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	30.153.419.524	35.325.558.432
Cộng	1.490.657.008.426	1.223.390.453.126

3. **Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	467.528.090	779.633.886
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.454.682.211	163.931.884
- Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	241.294.283	1.216.973.813
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	411.307.760
Cộng	3.163.504.584	2.571.847.343

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

4. **Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	43.954.870.693	41.838.111.582
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	547.945.205
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	110.317.722.750
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(17.651.025.248)	(74.491.333.765)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	984.834.562	1.067.534.138
- Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	333.102.071	-
Cộng	27.621.782.078	79.279.979.910

5. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	4.407.700.633	6.136.980.592
- Chi phí dụng cụ quản lý	144.532.293	65.859.071
- Chi phí khấu hao bộ phận quản lý	1.294.926.597	1.213.255.398
- Thuế, phí, lệ phí	10.831.314	8.972.660
- Chi phí dự phòng/(hoàn nhập)	2.913.516.047	(4.842.803.983)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	968.227.347	1.249.686.476
- Chi phí bằng tiền khác	470.548.298	1.799.326.670
Cộng	10.210.282.529	5.631.276.884

6. **Lợi nhuận khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.877.867.587	3.481.058.089
- Thu phạt vi phạm hợp đồng	3.500.000.000	3.344.329.162
- Thuế được giảm	-	120.751.087
- Lãi thanh lý tài sản cố định	15.717.270	-
- Tiền bảo hiểm bồi thường	1.362.150.317	-
- Thu nhập khác	-	15.977.840
Chi phí khác	2.779.292.365	1.167.364.407
- Giá trị còn lại của tài sản giảm do thanh lý khoản đầu tư	2.500.000.000	510.363.568
- Phạt vi phạm hợp đồng	-	231.000.000
- Thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính	77.510.196	113.302.801
- Chi tài trợ các chính sách phúc lợi xã hội	-	118.000.000
- Lỗ thanh lý tài sản cố định	201.650.000	-
- Chi phí khác	132.169	194.698.038
Lợi nhuận khác	2.098.575.222	2.313.693.682

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN Công ty mẹ	1.295.621.634	-
Thuế TNDN các Công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.295.621.634	-
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế	401.333.229	(97.288.091.678)
Các khoản điều chỉnh (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	401.333.229	(97.288.091.678)
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (CP)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6	(1.403)

(*): Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.709.839	26.830.924
Chi phí nhân công	5.354.267.900	7.310.560.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.842.392.813	1.346.779.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.011.130.498	23.471.683.145
Chi phí khác	5.168.080.499	1.939.600.903
Cộng	40.560.581.549	34.095.454.668

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

1.1. Thông tin về các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long đến 14/10/2021
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

1.2. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước	Chính sách giá cả
Mua hàng hóa, dịch vụ	272.112.870.568	11.652.577.635	
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	272.112.870.568	11.652.577.635	Thỏa thuận
Bán hàng hóa, dịch vụ	144.086.824.500	21.406.236.675	
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	144.086.824.500	21.406.236.675	Thỏa thuận
Vay và mượn tiền	26.953.000.000	10.466.400.000	
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	576.000.000	10.466.400.000	
- Ông Nguyễn Thanh Bình	18.887.000.000	-	
- Ông Hoàng Văn Hưng	7.490.000.000	-	
Thanh toán tiền vay, mượn	-	10.156.400.000	
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	-	10.156.400.000	

1.3. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	112.860.000	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	112.860.000	-
Trả trước cho người bán	-	70.000.000.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	-	70.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	27.263.000.000	310.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	886.000.000	310.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Bình	18.887.000.000	-
- Ông Hoàng Văn Hưng	7.490.000.000	-

1.4. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chức danh	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Thanh Hương	273.306.150	304.725.536
Nguyễn Mạnh Tuấn	-	86.400.000
Đình Thị Phương	-	21.600.000
Nguyễn Hoàng Lâm	-	86.400.000
Hoàng Văn Hưng	155.343.227	61.899.892
Nguyễn Thanh Bình	156.330.150	67.016.834
Cộng	584.979.527	628.042.262

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

2. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

3.1 Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		ĐVT: VND
	Cuối năm	Đầu năm	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.763.877.507	11.224.313.832	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	734.058.556.828	167.384.412.722	
Đầu tư ngắn hạn	318.900.000	10.300.000.000	
Đầu tư dài hạn	15.106.282.166	31.455.256.918	
Cộng	763.247.616.501	220.363.983.472	
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	227.394.210.040	247.289.927.523	
Các khoản vay	397.724.166.624	341.050.166.596	
Cộng	625.118.376.664	588.340.094.119	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2 Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1 Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

3.3.2 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.3 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

3.3.4 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3.3.5 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	ĐVT: VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	227.394.210.040	-	227.394.210.040
Các khoản vay	234.125.749.965	163.598.416.659	397.724.166.624
Cộng	461.519.960.005	163.598.416.659	625.118.376.664
Số dư đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	247.289.927.523	-	247.289.927.523
Các khoản vay	234.772.999.972	106.277.166.624	341.050.166.596
Cộng	482.062.927.495	106.277.166.624	588.340.094.119
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.763.877.507	-	13.763.877.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	734.058.556.828	-	734.058.556.828
Đầu tư ngắn hạn	318.900.000	-	318.900.000
Đầu tư dài hạn	-	15.106.282.166	15.106.282.166
Cộng	748.141.334.335	15.106.282.166	763.247.616.501
Số dư đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.224.313.832	-	11.224.313.832
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.384.412.722	-	167.384.412.722
Đầu tư ngắn hạn	10.300.000.000	-	10.300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	31.455.256.918	31.455.256.918
Cộng	188.908.726.554	31.455.256.918	220.363.983.472

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Như đã thuyết minh tại mục V.12, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) phát hành thông báo số 21/VAMC-Ban3 ngày 06/01/2022 về việc mua khoản nợ gốc và lãi quá hạn của Công ty từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng, đồng thời đề nghị Công ty thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi và các khoản phí khác phát sinh (nếu có) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông báo. Cho đến thời điểm báo cáo, Công ty vẫn chưa thực hiện các thủ tục để thanh toán hoặc gia hạn thanh toán với VAMC.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo kết quả kinh doanh của năm tài chính 2020 được trình bày lại do phát hiện sai sót của việc trình bày số liệu năm trước, chi tiết như sau:

	Năm 2020		Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế	(97.288.091.678)	(97.952.314.111)	664.222.433
Các khoản điều chỉnh (*)	-	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(97.288.091.678)	(97.952.314.111)	664.222.433
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	69.329.928	69.329.928	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.403)	(1.413)	10



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởng

Trần Xuân Đạt
Người lập biểu